

BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ
LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG (TRÍCH, NGUYỄN HUY TƯỜNG)
(30 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

Câu 1: Truyện lịch sử là gì?

- A.** Là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn cụ thể.
- B.** Là những gì xảy ra trong quá khứ.
- C.** Là một chuỗi các sự kiện xảy ra trong hiện tại và tương lai.
- D.** Là tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc.

Câu 2: Tác giả của “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là ai?

- A.** Nguyễn Huy Tưởng.
- B.** Xuân Diệu.
- C.** Tố Hữu.
- D.** Nguyễn Du.

Câu 3: Đâu là quê hương của Nguyễn Huy Tưởng?

- A.** Hồ Chí Minh.
- B.** Nghệ An.
- C.** Quảng Ninh.
- D.** Hà Nội.

Câu 4: Phong cách sáng tác của Nguyễn Huy Tưởng?

- A.** Nguyễn Huy Tưởng có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử.
- B.** Nguyễn Huy Tưởng luôn hướng về những người nghèo, những người bất hạnh.
- C.** Nguyễn Huy Tưởng đề cao giá trị con người.
- D.** Nguyễn Huy Tưởng là nhà tư tưởng lớn, thâm sâu tư tưởng đạo lý Nho gia.

Câu 5: Xuất xứ của tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng”?

- A.** Trích phần 1 của tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng.
- B.** Trích phần 2 của tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng.
- C.** Trích phần 3 của tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng.
- D.** Trích phần 4 của tác phẩm Lá cờ thêu sáu chữ vàng.

Câu 6: Nhân vật chính trong tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là ai?

- A. Văn Hoài.
- B. Trần Quốc Tuấn.
- C. Hưng Đạo Vương.
- D. Trần Quốc Toản.

Câu 7: “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” sáng tác năm bao nhiêu?

- A. 1942.
- B. 1960.
- C. 1946.
- D. 1961.

Câu 8: “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” gồm bao nhiêu phần?

- A. 16 phần.
- B. 17 phần.
- C. 18 phần.
- D. 19 phần.

Câu 9: Trần Quốc Toản là một thiếu niên sớm mồ côi mẹ đúng hay sai?

- A. Đúng.
- B. Sai.

Câu 10: Giặc Nguyên có âm mưu gì đối với nước ta?

- A. Cầu kết với nước ta xâm chiếm nước khác.
- B. Thông thương với nước ta.
- C. Giúp đỡ nước ta.
- D. Xâm chiếm nước ta.

Câu 11: Trần Quốc Toản xin gặp vua để làm gì?

- A. Để xin vua ra lệnh hòa hoãn.
- B. Để xin vua ra lệnh đầu hàng.
- C. Để xin vua ra lệnh đánh giặc.
- D. Để xin vua ra lệnh rút lui.

Câu 12: Gặp được vua, Trần Quốc Toản đã nói gì với vua?

- A. Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước.

- B. Xin quan gia suy xét! Cho giặc mượn đường là mất nước.
- C. Xin quan gia cảnh giác! Cho giặc mượn đường là mất nước.
- D. Xin quan gia cân nhắc! Cho giặc mượn đường là mất nước.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Câu chuyện dựa trên bối cảnh lịch sử nào?

- A. Cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. Cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- C. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ hai.
- D. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên xâm lược lần thứ nhất.

Câu 2: Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản có tâm trạng như thế nào khi phải đứng trên bờ nhìn quang cảnh một sự kiện đặc biệt đang diễn ra ở bến Bình Than?

- A. Vô cùng ảm ức, vừa hờn vừa tủi.
- B. Vui mừng, hạnh phúc.
- C. Buồn bã, do dự.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 3: Quang cảnh, không khí ở bến Bình Than – nơi diễn ra hội nghị quan trọng như thế nào?

- A. Đầy những thuyền lớn của các vương hầu về hội sư, các vị vương chức quyền cao nhất của triều đình, thuyền ngự, không khí trang nghiêm, tĩnh mịch.
- B. Đầy những thuyền lớn nhỏ, cờ, hoa và biểu ngữ, không khí vui tươi, hân hoan.
- C. Tấp nập người qua lại, nhộn nhịp, không khí mới lạ đầy thú vị.
- D. Đầy những thuyền lớn của vua quan, không khí vui vẻ.

Câu 4: Tác phẩm khai thác những gương mặt tiêu biểu nào?

- A. Thúy Kiều, Thúy Vân, Sở Khanh.
- B. Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- C. Mị Châu, Trọng Thủy.
- D. Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật.

Câu 5: Điều gì sẽ xảy ra khi Hoài Văn có hành động vượt khuôn phép?

- A. Hoài Văn sẽ được gặp vua.
- B. Hoài Văn sẽ bị binh lính bắt giữ.
- C. Hoài Văn sẽ chết.
- D. Đáp án A,C đúng.

Câu 6: Tại sao binh lính lại để cho Hoài Văn đứng ở bên Bình Than từ sáng?

- A. Vì họ sợ Hoài Văn.
- B. Vì họ không quan tâm đến Hoài Văn.
- C. Vì họ nể Hoài Văn là một vương hầu.
- D. Vì họ sợ vua chém đầu.

Câu 7: Hưng Võ Vương, Hưng Trí Vương, Hưng Hiếu Vương – các con trai của Hưng Đạo Vương hơn Hoài Văn bao nhiêu tuổi?

- A. 3 tuổi.
- B. 4 tuổi.
- C. 5 tuổi
- D. Dăm 6 tuổi.

Câu 8: Hoài Văn có hành động gì khi không chịu được cảnh chờ đợi?

- A. Liều mạng xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến.
- B. Mắt trừng lên một cách điên dại: “Không buông ra, ta chém!”.
- C. Mặt đỏ bừng bừng, quát binh lính.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 9: Hoài Văn giải thích như thế nào về hành động liều mạng của mình?

- A. Khi có quốc biến, đến đứa trẻ cũng phải lo.
- B. Vua lo thì thần tử cũng phải lo.
- C. Tuy Hoài Văn chưa đến tuổi dự bàn việc nước nhưng chàng không phải giống cỏ cây nên không thể ngồi yên được.
- D. Tất cả các đáp đều đúng.

Câu 10: Chọn câu **không** đúng trong các câu dưới đây

- A. Trần Quốc Toản là thiếu niên anh hùng, sau này chính là Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn.
- B. Trần Quốc Toản là anh vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.
- C. Trần Quốc Toản là con trai vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.
- D. Trần Quốc Toản là em vua Trần Nhân Tông, tham gia kháng chiến chống giặc Nguyên.

Câu 11: Vì sao vua không những tha tội mà còn ban cho Quốc Toản cam quý?

- A. Vì Quốc Toản là em trai vua nên có thể tha thứ được.
- B. Vì vua cho rằng quốc toản còn nhỏ tuổi nên nông nổi.
- C. Vì vua thấy Quốc Toản còn nhỏ mà có chí lớn.
- D. Vì Quốc Toản thuộc tôn thất.

Câu 12: Thái độ của Trần Quốc Toản đối với quân Nguyên ra sao trước âm mưu xâm chiếm đất nước?

- A. Vô cùng căm giận.
- B. Vô cùng xấu hổ.
- C. Vô cùng sợ hãi.
- D. Vô cùng tủi nhục.

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Trong “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” có chi tiết vua Thiệu Bảo cầm lấy một quả cam sành chín mọng rồi ban cho Hoài Văn. Việc Hoài Văn vô tình bóp nát quả cam thể hiện điều gì?

- A. Thể hiện chàng là người yêu nước, căm thù giặc.
- B. Thể hiện chàng là một người có sức mạnh vô cùng to lớn.
- C. Phản xạ tự nhiên của Hoài Văn.
- D. Chàng không sợ vua.

Câu 2: Nét tính cách nào của Trần Quốc Toản được thể hiện qua lời đối thoại “Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước” với vua?

- A. Nóng nảy, tự ái, hờn tủi của một thanh niên mới lớn.
- B. Dũng cảm, giàu lòng yêu nước, dám hi sinh cả mạng sống vì dân tộc của mình.
- C. Ham học hỏi, trọng tình nghĩa.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 3: Chứng kiến hành động và nghe lời tâu bày của Trần Quốc Toản, vua Thiệu Bảo có thái độ và cách xử lý như thế nào? Thái độ và cách xử lý đó cho thấy điều gì ở vị vua này?

- A. Vua khen ngợi Trần Quốc Toản còn trẻ mà có chí lớn và ban tặng chàng một quả cam quý. Điều đó thể hiện vua là một người anh minh, công bằng, biết trọng dụng người tài.
- B. Vua phê bình Trần Quốc Toản còn trẻ người non dạ. Điều đó thể hiện vua là một người anh minh, biết cách nhìn người.
- C. Vua tha tội chết cho Trần Quốc Toản và cho rằng chàng còn nông nổi, không nên ra trận đánh giặc.

D. Đáp án B,C đúng.

Câu 4: Có ý kiến cho rằng “Lá cờ thù sáu chữ vàng” của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng là tác phẩm gắn liền với nhiều thế hệ thiếu nhi. Tác phẩm xoay quanh nhân vật chính Trần Quốc Toàn, người anh hùng nhỏ tuổi với khát khao mãnh liệt “Phá cường địch báo hoàng ân”. Theo em, ý kiến này đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống “Tuy tuổi đời còn trẻ nhưng tính cách quyết đoán, gan dạ và khí phách anh hùng dòng dõi nhà Trần của Hoài Văn Hầu...đã được bộc lộ rõ qua từng suy nghĩ, hành động, cử chỉ”.

A. Trần Quốc Tuấn.

B. Trần Quốc Toàn.

C. Trần Nhân Tông.

D. Thiệu Bảo.

Câu 2: “Lá cờ thù sáu chữ vàng” mang lại cho em những cảm xúc gì?

A. Sống lại không khí hào hùng trong công cuộc chống giặc ngoại xâm của cha ông ta thuở trước.

B. Biết ơn, tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.

C. Có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

1. A	2. A	3. D	4. A	5. D	6. C	7. B	8. C	9. B	10. D
11. C	12. A								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. C	2. A	3. A	4. D	5. B	6. C	7. D	8. D	9. D	10. D
11. C	12. A								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. A	2. B	3. A	4. A
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. B	2. D
------	------

BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆT NGỮ XÃ HỘI
(25 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Thế nào là biệt ngữ xã hội?

- A.** Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp nhất định.
- B.** Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.
- C.** Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp xã hội.
- D.** Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp nhân dân.

Câu 2: Đặc điểm của biệt ngữ xã hội là gì?

- A.** Từ ngữ được toàn dân đều biết và hiểu.
- B.** Phạm vi sử dụng trong một địa phương nhất định.
- C.** Là một bộ phận từ ngữ có đặc điểm riêng thể hiện ở ngữ âm, ngữ nghĩa.
- D.** Từ ngữ được ít người biết đến và sử dụng.

Câu 3: Khi sử dụng biệt ngữ xã hội cần chú ý điều gì?

- A.** Không nên quá lạm dụng biệt ngữ xã hội.
- B.** Tùy hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng biệt ngữ xã hội cho phù hợp.
- C.** Không phải từ nào đối tượng giao tiếp cũng có thể hiểu được biệt ngữ xã hội.
- D.** Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 4: Các từ ngữ “bá, má, bây tui...” là biệt ngữ xã hội đúng hay sai?

- A.** Sai.
- B.** Đúng.

Câu 5: Trường hợp nào có thể sử dụng biệt ngữ xã hội?

- A.** Khi viết đơn xin phép nghỉ học gửi lên Ban giám hiệu.
- B.** Khi tham gia thi thuyết trình trên phạm vi toàn quốc.
- C.** Sử dụng trong thơ văn, những sáng tác văn học.
- D.** Khi trao đổi, trò chuyện với người địa phương.

Câu 6: Khi sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp, cần chú ý đến những vấn đề gì?

- A.** Địa vị của người được giao tiếp trong xã hội.
- B.** Nghề nghiệp và đơn vị công tác của người được giao tiếp.
- C.** Hoàn cảnh đối tượng giao tiếp, tình huống giao tiếp.
- D.** Cách thức và mục đích giao tiếp.

Câu 7: Biệt ngữ xã hội nên sử dụng trong những hoàn cảnh nào?

- A.** Trong khẩu ngữ.
- B.** Trong thơ văn.
- C.** Trong giao tiếp hàng ngày.
- D.** Đáp án A,B đúng.

Câu 8: Để tránh lạm dụng biệt ngữ xã hội, chúng ta cần làm gì?

- A.** Sử dụng trong giao tiếp hàng ngày.

B. Cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết.

C. Chỉ sử dụng trong một số ngành nghề.

D. Sử dụng trong một phạm vi rộng lớn.

Câu 9: Đây là biệt ngữ của những người theo đạo Thiên Chúa?

A. Trăm, long bào, phi tần.

B. Rụng, tấp.

C. Thánh, nữ tu, ông quản.

D. Chi, mô, răng rứa.

Câu 10: Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội khác nhau ở điểm nào?

A. Phạm vi của từ ngữ địa phương rộng hơn biệt ngữ xã hội.

B. Phạm vi của từ ngữ địa phương hẹp hơn biệt ngữ xã hội.

C. Biệt ngữ xã hội có thể sử dụng ở mọi tầng lớp, từ ngữ địa phương chỉ sử dụng trong một tầng lớp nhất định.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

Câu 1: Các từ ngữ *hoàng thượng, hoàng hậu, phi tần, quan thương thư, công chúa, hoàng tử* thuộc loại nào trong các loại biệt ngữ dưới đây?

A. Biệt ngữ của nhân dân lao động.

B. Biệt ngữ của vua quan và những người trong hoàng tộc dưới chế độ phong kiến.

C. Biệt ngữ của những người thượng lưu giàu có trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

D. Biệt ngữ của giai cấp chủ nô trong xã hội chiếm hữu nô lệ.

Câu 2: Tìm biệt ngữ xã hội trong câu “Chán quá, hôm nay mình phải nhận con ngỗng cho bài tập làm văn”.

A. Ngỗng.

B. Chán.

C. Mình.

D. Bài tập làm văn.

Câu 3: Giải thích ý nghĩa của từ “hầu”

A. Tước thứ hai, sau tước công trong bậc thang tước hiệu thời phong kiến.

B. Quân sĩ bảo vệ vua.

C. Từ dùng để chỉ nhà vua.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 4: Biệt ngữ xã hội dùng trong những tầng lớp nào?

A. Tầng lớp học sinh, sinh viên.

B. Tầng lớp các tôn giáo.

C. Tầng lớp phong kiến xưa.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 5: Biệt ngữ nào dưới đây **không** phải của vua quan trong triều đình phong kiến?

A. Trăm.

B. Khanh.

C. Trúng tủ.

D. Long thể.

Câu 6: Biệt ngữ của học sinh, sinh viên là

A. Trượt vỏ chuối.

B. Trúng tủ.

C. Ngổng.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 7: Biệt ngữ của lưu manh, trộm cắp ở thành phố (thời bao cấp) là

A. Gậy, ngổng, trúng tủ,...

B. Chọi, choai, xế lô, tấp lô...

C. Trầm, khanh, long bào...

D. Đáp án A, C đúng.

Câu 8: Các từ ngữ “bá, má, bầy tui...” là biệt ngữ xã hội đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 9: Biệt ngữ xã hội có nghĩa là trang phục của vua chúa?

A. Thuyền ngự.

B. Binh lính.

C. Y phục.

D. Long bào.

Câu 10: Giải thích ý nghĩa của biệt ngữ “thiên tử”

A. Con của trời, xưa dùng để chỉ nhà vua.

B. Thuyền của nhân dân dùng để đánh bắt cá.

C. Con người.

D. Chỉ cái chết.

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong đoạn hội thoại sau đây

- Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu có biết lý do vì sao không?

- Tớ cũng hèm biết vì sao cậu ơi.

A. Buồn buồn.

B. Vì sao.

C. Hèm.

D. Dạo này.

Câu 2: Tìm biệt ngữ xã hội trong đoạn văn sau đây

“Thuyền của các vị đại vương chức trọng quyền cao nhất của triều đình đều ở gần thuyền ngự. Thuyền ngự cao lớn hơn cả, chạm thành hình một con rồng lớn rực rỡ son vàng, hai bên mạn dàn bày cờ quạt, tàn vàng, tán tía và đồ nghi trượng của đẳng thiên tử”.

A. Thuyền ngự, đại vương, triều đình, nghi trượng, thiên tử.

B. Thuyền ngư, nghi trượng, thiên tử.

C. Chức trọng.

D. Sơn vàng, cờ quạt, tán tía.

Câu 3: “Trúng tủ, hần nghiễm nhiên đạt điểm cao nhất lớp”. Từ trúng tủ có nghĩa là gì? Tầng lớp nào sử dụng từ ngữ này?

A. Từ “trúng tủ” có nghĩa là ôn trúng những gì mình đã đoán được, làm trúng bài khi thi cử, kiểm tra.

B. Từ “trúng tủ” có nghĩa là ôn trúng những gì mình đã đoán được, làm trúng bài khi thi cử, kiểm tra. Đây là từ ngữ học sinh hay sử dụng.

C. Từ “trúng tủ” có nghĩa là thi trượt, sử dụng ở tầng lớp học sinh, sinh viên.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Tầng lớp nào thường sử dụng những biệt ngữ in đậm trong 2 câu sau

- Chán quá, hôm nay mình phải nhận con ngỗng cho bài tập làm văn.

- Trúng tủ, hần nghiễm nhiên đạt điểm cao nhất lớp.

A. Học sinh, sinh viên.

B. Nông dân.

C. Công nhân.

D. Trí thức.

Câu 2: Cho đoạn văn sau

“Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến **mẹ** tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng **mẹ** tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhặn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà. Tôi cũng cười đáp lại cô tôi: - Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào **mợ** cháu cũng về”.

(Nguyễn Hồng, **Những ngày thơ ấu**)

Tại sao trong đoạn văn này có chỗ tác giả dùng từ **mẹ**, có chỗ lại dùng từ **mợ**?

A. Mẹ và mợ là hai từ đồng nghĩa.

B. Vì trước Cách mạng tháng Tám 1945, tầng lớp thị dân tư sản thời Pháp thuộc gọi mẹ là mợ.

C. Dùng mẹ vì đó là lời kể của tác giả với đối tượng là độc giả, dùng mợ vì đó là lời đáp của chú bé Hồng khi đối thoại với người cô, giữa họ cùng một tầng lớp xã hội.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

1. A	2. C	3. D	4. A	5. C	6. A	7. D	8. B	9. C	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

1. B	2. A	3. A	4. D	5. C	6. D	7. B	8. B	9. D	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

1. C	2. A	3. B
------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. A	2. D
------	------

BÀI 2: VẼ ĐẸP CỔ ĐIỂN
CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG (HÀ ÁNH MINH)
(30 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM**I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)**

Câu 1: Nhận định nào sau đây đúng về Hà Ánh Minh?

- A.** Là nhà báo có nhiều tùy bút đặc sắc.
- B.** Là nhà văn có nhiều tiểu thuyết đặc sắc.
- C.** Là nhà văn có nhiều truyện ngắn đặc sắc.
- D.** Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Tác phẩm “Ca Huế trên sông Hương” thuộc thể loại nào?

- A.** Truyện ngắn.
- B.** Tiểu thuyết.
- C.** Bút kí.
- D.** Tùy bút.

Câu 3: “Ca Huế trên sông Hương” được chia làm mấy phần?

- A.** 5
- B.** 4
- C.** 3
- D.** 2

Câu 4: Ca Huế có nghĩa là gì?

- A.** Một thể loại nghệ thuật của Việt Nam.
- B.** Một thể loại âm nhạc cổ truyền của cố đô Huế.
- C.** Một trò chơi giải trí.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 5: Những địa danh nào được nhắc đến trong bài?

A. Làng Thọ Cương, chùa Thiên Mụ.

B. Lăng vua Tự Đức.

C. Biển Lăng Cô.

D. Đại nội kinh thành Huế.

Câu 6: Có mấy loại dụng cụ âm nhạc xuất hiện trong tác phẩm?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

Câu 7: Những loại nhạc cụ xuất hiện trong bài là?

A. Đàn tranh, đàn nguyệt.

B. Đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà.

C. Đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, đàn nhị, đàn tam.

D. Đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, đàn nhị, đàn tam, đàn bầu.

Câu 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống "...là quê hương của những điệu hò nổi tiếng"

A. Huế.

B. Bắc Ninh.

C. Hà Nội.

D. Hội An.

Câu 9: Dòng nào **không** phải nói lên đặc điểm của văn bản nhật dụng?

A. Là những văn bản có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại.

B. Là những văn bản có tính thời sự, đồng thời cũng chứa đựng trong đó những vấn đề xã hội có ý nghĩa lâu dài.

C. Là loại văn bản có nội dung thời sự xã hội nhưng về hình thức thể hiện vẫn có những giá trị nghệ thuật nhất định, sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau.

D. Là những văn bản nghị luận đặc biệt ngắn gọn.

Câu 10: Đêm ca Huế diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. Khi mặt trời bắt đầu mọc.

- B. Từ lúc mặt trời lặn.
- C. Từ lúc thành phố lên đèn.
- D. Từ lúc trăng lên đến sáng.

Câu 11: Phương tiện nào được dùng để tổ chức đêm ca Huế trên sông Hương?

- A. Du thuyền.
- B. Tàu ngầm.
- C. Xuồng máy.
- D. Thuyền rồng.

Câu 12: Khi biểu diễn, các ca công mặc trang phục gì?

- A. Nam nữ mặc võ phục.
- B. Nam nữ mặc áo bà ba nâu.
- C. Nam áo dài the, quần thụng, đầu đội khăn xếp, nữ áo dài, khăn đóng.
- D. Nam nữ mặc áo quần bình thường.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Một vài đặc điểm tiêu biểu của xứ Huế?

- A. Vùng với nhiều cảnh sắc đẹp như sông Hương, chùa Thiên Mụ...và nền văn hóa phong phú, độc đáo, đậm bản sắc dân tộc như nhã nhạc cung đình Huế, các điệu ca, điệu hò.
- B. Vùng với nhiều cảnh sắc đẹp tuyệt trần, là trung tâm văn hóa của đất nước ta.
- C. Vùng giàu tài nguyên khoáng sản, có giá trị kinh tế cao.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Dòng nào nói đúng nhất những nội dung mà văn bản Ca Huế trên sông Hương muốn đề cập đến?

- A. Vẻ đẹp của cảnh ca Huế trong đêm trăng thơ mộng trên dòng sông Hương.
- B. Nguồn gốc của một số làn điệu ca Huế.
- C. Sự phong phú và đa dạng của các làn điệu ca Huế.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 3: Đâu **không** phải là đặc điểm của xứ Huế?

- A. Huế từng là kinh đô nhà Nguyễn, hiện tại là cố đô đẹp và cổ kính bên bờ sông Hương.
- B. Huế thơ mộng và trữ tình với điệu Nam ai Nam bình với di sản Nhã nhạc cung đình Huế.
- C. Là trung tâm kinh tế của nước Việt Nam.

D. Nhiều danh lam thắng cảnh đẹp như lăng Tự Đức, Khải Định, Minh Mạng, chùa Thiên Mụ, biển Lăng Cô, núi Ngự Bình...

Câu 4: Đêm ca Huế được mở đầu bằng mấy nhạc khúc?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

Câu 5: Dòng nào nói đúng nhất những nguyên nhân tạo nên nét độc đáo của đêm ca Huế trên sông Hương ?

A. Du khách được ngồi trên thuyền rồng, được nghe và ngắm nhìn các ca công từ trang phục đến cách chơi đàn đến những ngón đàn trau chuốt và điêu luyện.

B. Quang cảnh sông nước đẹp, huyền ảo, thơ mộng.

C. Những làn điệu dân ca Huế phong phú và đa dạng, giàu cung bậc tình cảm, cảm xúc.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 6: Địa danh nào của Huế **không** được nhắc đến trong tác phẩm?

A. Thôn Vĩ Dạ.

B. Chùa Thiên Mụ.

C. Tháp Phước Duyên.

D. Sông Hương.

Câu 7: Đặc điểm của “Tứ đại cảnh” là gì?

A. Thấm đẫm tình người.

B. Thể hiện ước mơ, khát vọng.

C. Âm hưởng điệu Bắc, phách điệu Nam không vui, không buồn.

D. Buồn bã, bi ai.

Câu 8: Cung bậc nào sau đây **không** được dùng để miêu tả tiếng đàn của các nhạc công?

A. Âm thanh cao vút.

B. Trầm bổng.

C. Lúc khoan lúc nhặt.

D. Réo rắt, du dương.

Câu 9: Tại sao có thể nói Ca Huế vừa sôi nổi, tươi vui, vừa trang trọng, uy nghi?

A. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc dân gian.

- B. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc thính phòng.
- C. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc dân gian và nhạc cung đình.
- D. Do ca Huế bắt nguồn từ nhạc cung đình.

Câu 10: Trong tác phẩm, đoạn văn sau nói về khoảng thời gian nào?

“Đây là lúc các ca thi cất lên ngừng khúc điệu Nam nghe buồn man mác, thương cảm, bi ai, vương vấn như nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân, tương tư khúc, hành vân. Cũng có bản nhạc mang âm hưởng điệu Bắc pha phách điệu Nam không vui, không buồn như tứ đại cảnh.”

- A. Đêm.
- B. Đêm đã về khuya.
- C. Trăng lên.
- D. Gà bắt đầu gáy sáng.

Câu 11: Câu văn nào trong số các câu văn sau đây được dùng để nói lên vẻ đẹp của con người xứ Huế?

- A. Mỗi câu hò Huế dù ngắn hay dài đều được gửi gắm ít ra một ý tình trọn vẹn.
- B. Hò Huế thể hiện lòng khao khát, nỗi mong chờ hoài vọng thiết tha của tâm hồn Huế.
- C. Con gái Huế nội tâm thật phong phú và âm thầm, kín đáo, sâu thẳm.
- D. Huế chính là quê hương của chiếc áo dài Việt Nam.

Câu 12: Nhạc cụ nào sau đây **không** xuất hiện trong tác phẩm?

- A. Đàn piano.
- B. Đàn tranh.
- C. Đàn nguyệt.
- D. Tì bà.

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Điền câu thích hợp vào chỗ trống “Cặp sanh tiền Ca Huế rất đa dạng và phong phú về các làn điệu và ngón chơi của các ca công, như tác giả đã viết...”

- A. Ca Huế hình thành từ dòng ca hạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhạc trang trọng uy nghi.
- B. Sóng vỗ ru mạn thuyền rồi gợn vô hồi xa mãi cùng những tiếng đàn réo rắt du dương.
- C. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy tâm hồn.
- D. Không gian như lắng đọng. Thời gian như ngừng lại.

Câu 2: Tại sao lại nói ca Huế là một thú vui tao nhã?

- A. Vì từ nội dung đến hình thức, ca công đến nhạc công,...đều mang sự thanh cao, nhã nhặn, sang trọng, duyên dáng.
- B. Thường thức trên truyền rỗng.
- C. Thường thức trên dòng sông Hương thơ mộng.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 3: Đoạn văn sau đây cho chúng ta biết điều gì?

“Ca Huế hình thành từ dòng ca nhạc dân gian và ca nhạc cung đình, nhã nhạc trang trọng uy nghi nên có thần thái của ca nhạc thánh phòng, thể hiện theo hai dòng lớn điệu Bắc và điệu Nam, với trên sáu mươi tác phẩm thanh nhạc và khí nhạc. Thú nghe ca Huế tao nhã, đầy sức quyến rũ.”

- A. Nguồn gốc hình thành ca Huế.
- B. Nội dung của ca Huế.
- C. Hình thức của ca Huế.
- D. Đặc sắc của ca Huế.

Câu 4: Theo em, cách nghe ca Huế trong bài văn có gì độc đáo so với nghe băng ghi âm hoặc băng video?

- A. Được nói chuyện với các ca công.
- B. Được nghe và nhìn trực tiếp các ca công chơi đàn.
- C. Được chơi thử các nhạc khúc.
- D. Được nghe đi, nghe lại.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Những hiểu biết thêm của em sau khi đọc tác phẩm này?

- A. Một số cảnh đẹp, di tích, địa danh ở Huế.
- B. Trang phục, con người.
- C. Các điệu dân ca với nguồn gốc, cái hay, cái đẹp, cái riêng.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Đây là tên những làn điệu dân ca miền Bắc?

- A. Các điệu hò, điệu lí.
- B. Hát ví, hát dặm, hát ru.
- C. Hát đồng dao, hát xoan, quan họ Bắc Ninh.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. ĐÁP ÁN**I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)**

1. A	2. D	3. D	4. B	5. A	6. C	7. D	8. A	9. C	10. D
11. D	12. C								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. A	2. D	3. C	4. B	5. D	6. A	7. C	8. A	9. C	10. B
11. C	12. A								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. C	2. D	3. A	4. B
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. D	2. D
------	------

BÀI 2: VẼ ĐẸP CỔ ĐIỂN**THIÊN TRƯỜNG VẪN VỌNG (TRẦN NHÂN TÔNG)
(30 CÂU)****A. TRẮC NGHIỆM****I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)****Câu 1:** Ai là tác giả của bài thơ “Thiên Trường vãn vọng”?

- A. Lý Thái Tổ.
- B. Trần Nhân Tông.
- C. Nguyễn Trãi.
- D. Nguyễn Du.

Câu 2: “Thiên Trường vãn vọng” có nghĩa là gì?

- A. Ngắm cảnh Thiên Trường trong buổi chiều tà.
- B. Dạo chơi Thiên Trường trong buổi chiều tà.
- C. Buổi chiều ở phủ Thiên Trường.
- D. Xa ngắm phủ Thiên Trường.

Câu 3: Tác giả miêu tả khung cảnh phủ Thiên Trường vào thời điểm nào trong ngày?

- A. Buổi sáng.
- B. Buổi trưa.

C. Buổi chiều tà.

D. Buổi tối.

Câu 4: Năm sinh năm mất của Trần Nhân Tông?

A. 1257 – 1308

B. 1258 – 1308

C. 1258 – 1309

D. 1259 – 1308

Câu 5: Trần Nhân Tông là vị vua thứ mấy của nhà Trần?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 6: Trần Nhân Tông là vị hoàng đế anh minh đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 7: Trần Nhân Tông là vị thiền sư sáng lập dòng thiền nào?

A. Tỳ Ni Đa Lưu Chi.

B. Vô Ngôn Thông.

C. Thảo Đường.

D. Trúc Lâm Yên Tử.

Câu 8: Phủ Thiên Trường thuộc địa phương nào?

A. Hà Nội.

B. Hồ Chí Minh.

C. Nam Định.

D. Hà Nam.

Câu 9: Bài thơ “Thiên Trường vãn vọng” được chia làm mấy đoạn?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 10: Thơ Trần Nhân Tông tràn đầy cảm hứng gì?

- A. Cảm hứng yêu thiên nhiên, cây cỏ.
- B. Cảm hứng yêu nước và hào khí Đông A.
- C. Cảm hứng yêu nước.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 11: “Thiên Trường vãn vọng” được viết theo thể thơ nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- B. Thất ngôn bát cú.
- C. Ngũ ngôn.
- D. Lục bát.

Câu 12: Em dựa vào những yếu tố nào để xác định thể thơ của bài?

- A. Số câu, số chữ.
- B. Số câu, số chữ trong mỗi câu, cách hiệp vần.
- C. Cách gieo vần.
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Cảnh tượng được miêu tả trong bài thơ như thế nào?

- A. Rực rỡ và diễm lệ.
- B. Hào nhoáng.
- C. Sang trọng.
- D. Huyền ảo và thanh bình.

Câu 2: Cảnh vật ở hai câu thơ đầu được miêu tả vào khoảng thời gian nào?

- A. Lúc mặt trời bắt đầu mọc.
- B. Khi mặt trời đang trong thời điểm rực rỡ nhất.
- C. Lúc chiều về, trời sắp tối.
- D. Khi màn đêm buông xuống.

Câu 3: Không gian trong bài thơ là gì?

- A. Trước xóm sau thôn – khung cảnh làng quê Việt Nam.
- B. Khung cảnh cây đa, giếng nước sân đình.

C. Phủ Thiên Trường.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 4: Cảnh vật được miêu tả thông qua những chi tiết nào?

A. Ánh sáng, màu sắc, âm thanh.

B. Ánh sáng, không gian, thời gian.

C. Ánh sáng, thời gian.

D. Nội dung bài thơ.

Câu 5: Cụm từ “nửa như có, nửa như không” (bán vô bán hữu) có nghĩa là gì?

A. Phong cảnh mờ ảo, lúc ẩn lúc hiện.

B. Phong cảnh mờ ảo vừa như có lại như không, vừa thực lại vừa hư.

C. Phong cảnh diễm lệ, nguy nga.

D. Phong cảnh rực rỡ, sáng chói.

Câu 6: Quang cảnh được gợi lên ở câu thơ thứ hai là?

A. Mọi vật hiện lên trong không khí rộn rang, tươi vui.

B. Mọi vật được khắc họa trong quang cảnh huyền bí.

C. Mọi vật như chìm dần vào sương khói, tạo nên sự mơ màng, nên thơ.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 7: Những hình ảnh ở hai câu thơ cuối đã gợi lên một bức tranh cuộc sống như thế nào?

A. Bức tranh cảnh làng quê trong ánh chiều tà mênh mang, yên ả.

B. Bức tranh làng sinh động trong một buổi sớm bình minh.

C. Bức tranh về cảnh đồng quê dân dã, bình yên.

D. Bức tranh làng quê mờ ảo, huyền bí.

Câu 8: Theo em, qua bức tranh thiên nhiên và cuộc sống được tái hiện trong bài thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc, tâm trạng gì?

A. Ta hình dung tác giả như đang đắm chìm, mơ màng trong không gian buổi chiều tà dung dị quyền rũ. Lòng tác giả trào dâng một tình yêu tha thiết đối với xóm làng, quê hương đất nước thân thương.

B. Tâm hồn người thi sĩ như sáng lên, hoà quyện và giao thoa với đất trời.

C. Tâm trạng nhà thơ thấm đượm vào cảnh vật, đồng điệu với làng cảnh quê hương.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 9: Hai câu thơ cuối là sự hòa quyện, đan xen giữa con người và thiên nhiên đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 10: Con người và thiên nhiên được miêu tả như thế nào?

A. Thiên nhiên thấm đẫm phong vị của tình người.

B. Quê hương là nguồn cội, là nơi gắn bó của con người.

C. Giữa con người và thiên nhiên như có sự hóa hợp, gắn bó đầy thân thương.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 11: Bức tranh thiên nhiên được tác giả cảm nhận bằng những giác quan nào?

A. Thị giác, thính giác.

B. Thị giác, khứu giác.

C. Thị giác, vị giác.

D. Vị giác, khứu giác.

Câu 12: Hình ảnh “cò trắng từng đôi liệng xuống đồng” có ý nghĩa gì?

A. Làm cho không gian bớt phần quạnh hiu.

B. Dẫn tả khung cảnh thật yên bình, đẹp đẽ.

C. Cảnh vật tĩnh lặng, không xuất hiện hoạt động nào.

D. Làm cho không gian được mở ra, trở nên thoáng đãng, cao rộng, trong sáng, yên ả.

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Qua các nội dung được miêu tả trong bài thơ, em có những cảm nhận gì trước cảnh tượng buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường?

A. Cảnh tượng giản đơn, đạm bạc, chân quê và bình dị.

B. Cảnh tượng huy hoàng, tráng lệ.

C. Cảnh tượng huyền bí, kì ảo.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống “Hình ảnh...đã gợi lên trong tác giả những kỉ niệm về tuổi thơ của chính mình”

A. Cánh đồng lúa chín.

B. Đàn trâu trở về.

C. Chú bé mục đồng.

D. Đàn cò trắng.

Câu 3: Nỗi buồn xót xa và nỗi lòng thầm kín của tác giả được thể hiện qua chi tiết nào?

- A. Âm thanh “sáo vắng”.
- B. Hình ảnh “chú bé mục đồng”.
- C. Khung cảnh “đàn trâu trở về”.
- D. Cảnh “đàn cò trắng từng đôi liệng xuống đồng”.

Câu 4: Tác giả sử dụng thủ pháp nghệ thuật nào trong bài thơ?

- A. Tả cảnh ngụ tình.
- B. Bút pháp điểm nhãn, lấy động tả tĩnh.
- C. Hình ảnh ước lệ tượng trưng.
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Bài “Thiên Trường vãn vọng” giống với bài thơ nào đã học?

- A. Sông núi nước Nam.
- B. Qua Đèo Ngang.
- C. Thu điếu.
- D. Bạn đến chơi nhà.

Câu 2: Sau khi hiểu được giá trị của bài thơ, em có suy nghĩ gì khi nhớ rằng tác giả là một ông vua chứ không phải là một người dân quê?

- A. Tác giả là một vị vua anh minh, lỗi lạc.
- B. Tác giả là một vị vua có tâm hồn thi sĩ. Cảnh tượng được miêu tả một cách gần gũi và chân thực chứng tỏ nhà vua rất gần dân chúng, rất yêu thương muôn dân và sự thanh bình.
- C. Tác giả là một vị vua hết mình vì dân chúng và rất yêu quê hương, đất nước.
- D. Đáp án A,B đúng.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

1. B	2. A	3. C	4. B	5. C	6. B	7. D	8. C	9. C	10. B
11. A	12. B								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. D	2. C	3. A	4. A	5. B	6. C	7. C	8. A	9. A	10. C
11. A	12. D								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. A	2. C	3. A	4. B
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. A	2. B
------	------

BÀI 2: VẼ ĐẸP CỔ ĐIỂN
THU ĐIỀU (NGUYỄN KHUYẾN)
(30 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM**I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)**

Câu 1: Ai là tác giả của bài thơ “Thu điều”?

- A. Nguyễn Trãi.
- B. Nguyễn Du.
- C. Nguyễn Khuyến.
- D. Nguyễn Bình Khiêm.

Câu 2: Quê hương của Nguyễn Khuyến ở đâu?

- A. Xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.
- B. Ý Yên, tỉnh Nam Định.
- C. Xã Song Phương, huyện Hoài Đức.
- D. Thị trấn Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

Câu 3: Tên gọi khác của Nguyễn Khuyến là gì?

- A. Tam Nguyên Yên Đỗ.
- B. Chế Lan Viên.
- C. Nguyễn Thử Lễ.
- D. Nguyễn Trương Thiên Lí.

Câu 4: Hiệu của nhà thơ Nguyễn Khuyến là?

- A. Hải Thượng Lãn Ông.
- B. Úc Trai.
- C. Quế Sơn.
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 5: Phong cách sáng tác của nhà thơ Nguyễn Khuyến là?

- A. Tập trung hoàn toàn vào hiện thực, ngòi bút của ông lách rất sâu vào mảnh đất hiện thực, để mà phê phán, để mà cải tạo.
- B. Phong cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú trong nhiều lĩnh vực và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện.
- C. Thường viết về những vấn đề trọng đại của dân tộc, tình cảm trong thơ ông mang tính thời đại.
- D. Thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương và ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế.

Câu 6: Những sáng tác của Nguyễn Khuyến chủ yếu viết bằng loại chữ nào?

- A. Chữ Quốc ngữ.
- B. Chữ Hán.
- C. Chữ Nôm.
- D. Cả chữ Hán và chữ Nôm.

Câu 7: Chùm ba bài thơ nổi tiếng của Nguyễn Khuyến là?

- A. Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm.
- B. Thu điếu, Thu xuân, Thu qua.
- C. Thu vịnh, Thu điếu, Thu tàn.
- D. Đáp án A,B đúng.

Câu 8: Bài thơ “Thu điếu” được chia làm mấy phần?

- A. 6
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 9: “Câu cá mùa thu” nằm trong chùm 3 bài thơ của Nguyễn Khuyến đúng hay sai?

- A. Đúng.
- B. Sai.

Câu 10: Sắp xếp các câu thơ dưới đây theo trình tự hợp lí?

1. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
2. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
3. Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.
4. Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

- A. 2, 3, 4, 1.
- B. 2, 4, 1, 3.
- C. 1, 2, 3, 4.
- D. 4, 3, 2, 1.

Câu 11: “Thu điều” được Nguyễn Khuyến sáng tác trong khoảng thời gian nào?

- A. Khi Nguyễn Khuyến đang làm quan.
- B. Khi Nguyễn Khuyến đang ở ẩn tại quê nhà.
- C. Khi Nguyễn Khuyến đang ở quê ngoại.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 12: “Câu cá mùa thu” được viết bằng chữ Hán đúng hay sai?

- A. Đúng.
- B. Sai.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Dòng nào sau đây là nhận định **không** chính xác về thơ ca Nguyễn Khuyến?

- A. Nguyễn Khuyến đưa cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê vào trong thơ một cách tự nhiên, tinh tế.
- B. Ngòi bút tả cảnh của Nguyễn Khuyến vừa chân thực vừa tài hoa.
- C. Ngôn ngữ thơ giản dị mà điêu luyện.
- D. Nguyễn Khuyến sáng tác thơ bằng chữ Nôm, chữ Hán và chữ Quốc ngữ.

Câu 2: Ý nghĩa nhan đề “Thu điều”?

- A. Nhan đề bài “Thu điều” vừa có ý nghĩa “mùa thu câu ...” (ý chỉ người ẩn sĩ chờ thời vì ở đây không có từ “ngư” là cá) theo tự dạng, lại vừa có nghĩa “mùa thu xót thương” theo nghĩa đồng âm, cũng không sai với nội dung bài thơ, không sai với chủ đề...
- B. Thông thường vẫn hiểu là vịnh mùa thu, nhưng về chữ Hán còn cho phép hiểu là mùa thu, làm thơ.
- C. Mùa thu uống rượu là nhân tự.
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 3: Điểm nhìn của tác giả trong bài thơ là?

- A. Từ xa đến gần.
- B. Cảnh vật được đón nhận từ gần đến cao xa rồi từ cao xa trở lại gần: từ chiếc thuyền câu nhìn mặt ao, nhìn lên bầu trời, nhìn tới ngô trúc rồi lại trở về với ao thu, với thuyền câu.
- C. Từ cao xuống thấp.

D. Từ ngoài vào trong.

Câu 4: Bức tranh mùa thu được tác giả khắc họa trong bài thơ thuộc vùng nào?

A. Nam Trung Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng Bắc Bộ.

D. Đồng bằng song Cửu Long.

Câu 5: “Thu điếu” được viết theo thể thơ nào?

A. Ngũ ngôn.

B. Thất ngôn bát cú.

C. Lục bát.

D. Thất ngôn tứ tuyệt.

Câu 6: Những hình ảnh nào dưới đây xuất hiện trong bài thơ?

A. Ao thu, thuyền câu, ngõ trúc.

B. Sông Hồng, thuyền câu, ngõ nhỏ.

C. Núi, sông, ao.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 7: Chuyển động của sự vật trong bài thơ như thế nào?

A. Mạnh mẽ.

B. Dữ dội.

C. Nhẹ nhàng.

D. Nhanh nhẹn.

Câu 8: Không gian rộng, sâu của bầu trời đối lập với sự vật nào?

A. Biển lớn.

B. Mặt ao hẹp, ngõ trúc.

C. Ngõ nhỏ.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 9: Hai câu đề trong bài thơ là?

A. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo / Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

B. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí / Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

C. Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt / Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

D. Tựa gối, buông cần lâu chẳng được / Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Câu 10: Hai câu kết trong bài thơ là?

A. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo / Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

B. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí / Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

C. Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt / Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

D. Tựa gối, buông cần lâu chẳng được / Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Câu 11: Cái hay của nghệ thuật sử dụng từ ngữ trong bài thơ là?

A. Dùng từ ngữ gợi cảnh để diễn tả tâm trạng.

B. Tăng tiến.

C. Hình ảnh ước lệ tượng trưng.

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng.

Câu 12: Nhận định sau về bài thơ Thu điếu đúng hay sai? “Cảnh sắc mùa thu đẹp nhưng tĩnh lặng vắng bóng người, vắng cả âm thanh dù đó là sự chuyển động nhưng đó là sự chuyển động rất khẽ khàng và cả tiếng cá đớp mồi cũng không làm không gian xao động”

A. Đúng

B. Sai

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Từ “vèo” trong câu thơ “Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo” có tác dụng gì?

A. Nói lên tâm sự thời thế của nhà thơ.

B. Diễn tả tốc độ rơi của lá.

C. Diễn tả màu sắc của lá mùa thu.

D. Diễn tả sự trôi nhanh của thời gian.

Câu 2: Vần “eo” được tác giả sử dụng rất tài tình. Trong bài thơ, vần “eo” có tác dụng gì?

A. Gợi cảnh thanh sơ, dịu nhẹ được gợi lên qua các từ: trong veo, biếc, xanh ngắt, các cụm động từ: gợn tí, khẽ đưa, lơ lửng.

B. Giúp diễn tả không gian dân thu nhỏ, vắng lặng, hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của tác giả.

C. Nói lên tâm sự thời thế của nhà thơ.

D. Tất cả đáp án trên đều đúng.

Câu 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống “Không gian hiu quạnh, tĩnh lặng, thoáng buồn, vắng tiếng, vắng người được thể hiện qua hình ảnh...”

A. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo.

- B. Sóng biếc theo làn hơi gợn tí.
- C. Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt.
- D. Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Câu 4: Câu thơ nào trong bài thơ Thu điếu có sự xuất hiện của âm thanh?

- A. “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo / Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”
- B. “Sóng biếc theo làn hơi gợn tí / Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo”
- C. “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt / Ngõ trúc quanh co khách vắng teo”
- D. “Tựa gối buông cần lâu chẳng được / Cá đâuớp động dưới chân bèo”

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Có ý kiến cho rằng “Bài Thu vịnh là có hồn hơn hết, nhưng ta vẫn phải công nhận bài Thu điếu là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam”.

Theo em, ý kiến trên đúng hay sai?

- A. Đúng.
- B. Sai.

Câu 2: Qua bài thơ, người đọc cảm nhận được ở Nguyễn Khuyến những xúc cảm gì?

- A. Niềm tự hào dân tộc qua từng câu chữ.
- B. Tình yêu quê hương thiết tha.
- C. Một tâm hồn gắn bó tha thiết với thiên nhiên đất nước, một tấm lòng yêu nước thầm kín nhưng không kém phần sâu sắc.
- D. Đáp án B,C đúng.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

1. C	2. A	3. A	4. C	5. D	6. D	7. A	8. C	9. A	10. B
11. B	12. B								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. D	2. A	3. B	4. C	5. B	6. A	7. C	8. B	9. A	10. D
11. A	12. A								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. A	2. B	3. D	4. D
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. A	2. C
------	------

BÀI 2: VẺ ĐẸP CỔ ĐIỂN
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TỪ TƯỢNG HÌNH VÀ TỪ TƯỢNG THANH
(27 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Từ tượng hình là gì?

- A.** Là từ gọi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
- B.** Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người.
- C.** Là từ khắc họa đặc điểm, tính chất của sự vật.
- D.** Là từ diễn tả hành động của con người.

Câu 2: Từ tượng thanh là gì?

- A.** Là từ gọi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật.
- B.** Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người.
- C.** Là từ khắc họa tính cách con người.
- D.** Là từ diễn tả hoạt động của sự vật.

Câu 3: Từ tượng hình, từ tượng thanh thuộc loại từ nào?

- A.** Tính từ.
- B.** Danh từ.
- C.** Động từ.
- D.** Tình thái từ.

Câu 4: Giá trị của từ tượng hình và từ tượng thanh là gì?

- A.** Có giá trị gọi tính chất của sự vật, sự việc.
- B.** Có giá trị gọi hành động của sự vật, sự việc.
- C.** Có giá trị gọi hình ảnh, âm thanh và có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động.
- D.** Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 5: Các từ tượng hình và tượng thanh thường được dùng trong các kiểu bài văn nào?

- A.** Miêu tả và nghị luận.
- B.** Tự sự và miêu tả.
- C.** Nghị luận và biểu cảm.
- D.** Tự sự và nghị luận.

Câu 6: Đáp án nào dưới đây **không** phải là tác dụng của từ tượng hình?

- A. Làm tăng tính biểu cảm, biểu đạt của ngôn ngữ.
- B. Giúp miêu tả trở nên cụ thể và sinh động hơn.
- C. Giúp khả năng miêu tả, diễn tả cảnh vật, con người, thiên nhiên chi tiết, thực tế và đa dạng.
- D. **Mô phỏng âm thanh con người.**

Câu 7: Từ nào dưới đây là từ tượng thanh?

- A. **Thút thít.**
- B. Chững chạc.
- C. Chập chững.
- D. Xinh xinh.

Câu 8: Từ “ung dung” là từ tượng thanh đúng hay sai?

- A. Đúng.
- B. **Sai.**

Câu 9: Tìm từ tượng thanh trong các từ sau “leng keng, róc rách, thon thả, khúc khích, chập chững”

- A. Chập chững.
- B. **Leng keng, róc rách.**
- C. Thon thả, chập chững.
- D. Leng keng, chập chững.

Câu 10: “Thong thả” là từ tượng hình miêu tả dáng đi đúng hay sai?

- A. **Đúng.**
- B. Sai.

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

Câu 1: Từ tượng thanh nào dưới đây mô phỏng tiếng mưa?

- A. **Rào rào, âm ẩm, lộp độp, tí tách.**
- B. Xào xạc, lao xao, vi vu, vi vút.
- C. Hi hi, ha ha, hô hô.
- D. Thành thịch, bành bạch.

Câu 2: Đây là từ tượng hình mô tả dáng vẻ con người?

- A. Chót vót.

B. Lom khom.

C. Chối chang.

D. Rực rỡ.

Câu 3: Từ “lênh đênh” có nghĩa là gì?

A. Chỉ trạng thái trôi nổi bần thiêu.

B. Chỉ trạng thái trôi nổi, không biết đi đâu về đâu.

C. Cao ngất ngưởng.

D. Nhỏ và cao.

Câu 4: Có bao nhiêu từ tượng thanh trong câu văn “Những trời tháng 8, những ngọn gió thoang thoảng, những tiếng lá rơi xào xạc, tiếng chim kêu líu lo, tôi chợt nhận ra mùa thu đã về”?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

Câu 5: Tìm từ tượng hình trong hai câu thơ sau và nêu tác dụng?

“Trong làn nắng ửng, khói mơ tan

Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.”

(Hàn Mặc Tử, **Mùa xuân chín**)

A. Từ “nắng ửng” gợi cảm giác nắng có nhiều điểm nhỏ và đều trên bề mặt.

B. Từ “lấm tấm” gợi hình ảnh những đốm nắng rải qua vòm cây, in trên những mái nhà tranh, gợi khung cảnh bình yên của buổi bình minh mùa xuân nơi làng quê.

C. Từ “nhà tranh” gợi sự vật quen thuộc với nhân dân Việt Nam.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 6: Điền từ tượng hình thích hợp vào chỗ trống “Một chiếc thuyền câu bé...”

A. Xanh ngắt.

B. Vắng teo.

C. Tẻo teo.

D. Trong veo.

Câu 7: Đây là từ tượng thanh trong hai câu thơ dưới đây?

“Líu lo kia giọng vàng anh

Mùa xuân vắt vẻo trên nhành lộc non”

(Ngô Văn Phú, **Mùa xuân**)

- A. Vàng anh.
- B. Mùa xuân.
- C. Vắt vẻo.
- D. Lú lo.

Câu 8: Có bao nhiêu từ tượng thanh trong đoạn văn dưới đây?

“Tôi không nhớ tôi đã nghe tiếng chổi non tách vỏ vào lúc nào, tôi cũng không nhớ tôi đã nghe tiếng chim lích chích mổ hạt từ đâu, nhưng tôi cảm nhận tất cả một cách rõ rệt trong từng mạch máu đang phập phồng bên dưới làn da.”

(Nguyễn Nhật Ánh, **Tôi là Bê-tô**)

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 9: Xác định từ tượng hình trong bài ca dao sau và phân tích tác dụng?

“Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương
Mịt mù khói tỏa ngàn sương
Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ”

- A. Từ tượng hình “la đà” tạo nên một nét vẽ thanh nhẹ diễn tả sự chuyển động của cành trúc.
- B. Từ tượng hình “mịt mù” diễn tả sự tối tăm, không nhìn rõ.
- C. Từ tượng hình “nhịp chày” diễn tả hoạt động nhịp nhàng của nhân dân lao động.
- D. Đáp án B,C đúng.

Câu 10: Tìm từ tượng thanh thích hợp điền vào chỗ trống “ngáy...”

- A. Hi hi.
- B. Khò khò.
- C. Thành thịch.
- D. Bập bẹ.

III. VẬN DỤNG (5 CÂU)

Câu 1: Đọc đoạn trích sau và tìm từ tượng hình, từ tượng thanh trong các từ được in đậm

- Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng **móm mém** của lão mếu như con nít. Lão **hu hu** khóc...

- Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu **ư ư**, nhìn tôi như muốn bảo tôi rằng: "A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?"

(Nam Cao, **Lão Hạc**)

A. Từ tượng hình là móm mém, từ tượng thanh là hu hu.

B. Từ tượng hình là móm mém, từ tượng thanh là hu hu, ư ư.

C. Từ tượng hình là ư ư, từ tượng thanh là móm mém.

D. Từ tượng hình là ư ư, hu hu, từ tượng thanh là móm mém.

Câu 2: Tìm từ tượng hình trong câu văn sau đây

“Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm”.

(Ngô Tất Tố, **Tắt đèn**)

A. Soàn soạt.

B. Thổi.

C. Húp.

D. Rón rén.

Câu 3: Có mấy từ tượng hình trong khổ thơ dưới đây?

“Bước tới đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước, đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà, mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.”

(Bà Huyện Thanh Quan, **Qua đèo Ngang**)

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 4: Ba từ tượng hình gợi tả dáng đi của người là?

- A. Râm ran, the thé, thủ thủ.
- B. Yếu điệu, thướt tha, thoăn thoắt.
- C. Khập khiễng, lò dò, lú lo.
- D. Nhỏ nhắn, vi vu, nhặt nhòa.

Câu 5: Đọc đoạn văn sau và chỉ ra từ tượng thanh

Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.

(Nam Cao, **Lão Hạc**)

- A. Vật vã.
- B. Chốc chốc.
- C. Xông xáo.
- D. Mãi mãi.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Trong bài thơ "Thu điếu" của Nguyễn Khuyến, tác giả dùng các từ tượng hình để bài thơ giàu giá trị biểu cảm và có khả năng gợi hình cao hơn. Đó là những từ nào?

- A. Lạnh lẽo, trong veo.
- B. Trong veo, sóng biếc, gợn tí, vắng teo, xanh ngắt.
- C. Đưa vèo, đớp động.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh tả tiếng cười sau đây: cười ha hả, cười hì hì.

- A. “Ha hả” là gợi tả tiếng cười to, tỏ ra khoái chí, thoải mái, “hì hì” là mô phỏng tiếng cười phát ra từ đằng mũi, âm thanh nhỏ, biểu lộ sự thích thú.
- B. “Ha hả” là mô phỏng tiếng cười to và thô lỗ, khó nghe, gây mất thiện cảm với người khác, “hì hì” là mô phỏng tiếng cười phát ra từ đằng mũi, âm thanh nhỏ, biểu lộ sự thích thú.
- C. “Ha hả” là gợi tả tiếng cười to, tỏ ra khoái chí, thoải mái, “hì hì” là mô phỏng tiếng cười phát ra từ đằng mũi, âm thanh nhỏ, biểu lộ sự thích thú.
- D. “Ha hả” là gợi tả tiếng cười tự nhiên, thoải mái, không cần giữ kẽ, “hì hì” là mô phỏng tiếng cười to và thô lỗ.

B. ĐÁP ÁN**I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)**

1. A	2. B	3. A	4. C	5. B	6. D	7. A	8. B	9. B	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

1. A	2. B	3. B	4. A	5. B	6. C	7. D	8. B	9. A	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

1. B	2. D	3. A	4. B	5. C
------	------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. B	2. A
------	------

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI
HỊCH TƯỚNG SĨ (TRẦN QUỐC TUẤN)
(30 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM**I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)**

Câu 1: Ai là tác giả của “Hịch tướng sĩ”?

A. Trần Quốc Toản.

B. Trần Quốc Tuấn.

C. Nguyễn Trãi.

D. Nguyễn Du.

Câu 2: Trần Quốc Tuấn là Hưng Đạo Vương đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 3: Nhân dân tôn Trần Quốc Tuấn là?

A. Đức Thánh.

B. Vua.

C. Đức Thánh Trần.

D. Đức Thánh Nguyễn.

Câu 4: Người ta thường viết hịch khi nào?

A. Khi đất nước có giặc ngoại xâm.

B. Khi đất nước thanh bình.

C. Khi đất nước phồn vinh.

D. Khi đất nước vừa kết thúc chiến tranh.

Câu 5: Ý nào nói đúng nhất các chức năng của thể hịch?

A. Dùng để ban bố mệnh lệnh của nhà vua.

B. Dùng để công bố kết quả một sự nghiệp.

C. Dùng để trình bày với nhà vua sự việc, ý kiến hoặc đề nghị.

D. Dùng để, cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.

Câu 6: Kết cấu chung của thể hịch gồm mấy phần?

A. 2 phần.

B. 3 phần.

C. 4 phần.

D. 5 phần.

Câu 7: Hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm này là gì?

A. Bài hịch được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ 2 năm 1285.

B. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ nhất (1257).

C. Trước khi quân Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần thứ ba (1287).

D. Sau khi chiến thắng quân Mông- Nguyên lần thứ hai.

Câu 8: Mục đích của bài hịch là gì?

A. Nhằm khích lệ nhân dân đứng lên khởi nghĩa.

B. Bài hịch được viết nhằm khích lệ tướng sĩ học tập cuốn “Bình thư yếu lược”.

C. Nhằm khích lệ tướng sĩ đánh giặc.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 9: Tác phẩm “Hịch tướng sĩ” được chia làm mấy phần?

A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

Câu 10: Hịch tướng sĩ được viết theo thể văn gì?

A. Văn xuôi.

B. Văn vắn.

C. Văn biền ngẫu.

D. Cả A, B, C đều sai.

Câu 11: Nội dung của tác phẩm là gì?

A. Nêu gương các trung thần nghĩa sĩ.

B. Tình hình đất nước và nỗi lòng của chủ tướng.

C. Phê phán biểu hiện sai trái và kêu gọi tướng sĩ.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 12: Phương thức biểu đạt của “Hịch tướng sĩ” là gì?

A. Biểu cảm.

B. Tự sự.

C. Miêu tả.

D. Nghị luận.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Tác giả đã sử dụng biện pháp gì khi nêu gương các bậc trung thần nghĩa sĩ ở phần mở đầu?

A. So sánh.

B. Liệt kê.

C. Cường điệu.

D. Nhân hoá.

Câu 2: Đáp án nào dưới đây **không** phải giá trị nghệ thuật của “Hịch tướng sĩ”?

A. Áng văn chính luận xuất sắc.

B. Lập luận chặt chẽ, sắc bén.

C. Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu.

D. Sử dụng biện pháp nhân hóa.

Câu 3: Lí do nào khiến tác giả nêu gương đời trước và đương thời?

A. Để tăng sức thuyết phục đối với các tì tướng.

B. Để cho dẫn chứng nêu ra được đầy đủ.

C. Để buộc các tì tướng phải xem xét lại mình.

D. Để chứng tỏ mình là người thông hiểu văn chương, sử sách.

Câu 4: Trần Quốc Tuấn nêu gương các bậc trung thần nghĩa sĩ vốn được lưu danh trong sử sách nước Nam ta. Đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 5: Hình ảnh nào **không** xuất hiện trong đoạn văn miêu tả sự ngang ngược và tội ác của giặc?

A. Cú điều.

B. Dê chó.

C. Trâu ngựa.

D. Hồ đoi.

Câu 6: Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn?

A. Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác ta gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.

B. Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ diêm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dậy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, gươm tay không mà chịu thua giặc...

C. Chẳng những thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc các người cũng mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khổ; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên...

D. Từ xưa các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mạng vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được.

Câu 7: Trần Quốc Tuấn sử dụng giọng văn nào để phê phán những hành động sai trái của các tướng sĩ dưới quyền?

A. Nhẹ nhàng thân tình.

B. Mạt sát thậm tệ.

C. Nghiêm khắc, nặng nề.

D. Bông đùa, hóm hỉnh.

Câu 8: Trần Quốc Tuấn yêu cầu các tướng lĩnh phải thực hiện điều gì?

A. Hành động đề cao bài học cảnh giác.

B. Chăm chỉ huấn luyện cho quân sĩ, tập dượt cung tên.

C. Tích cực tìm hiểu cuốn sách: “Bình thư yếu lược”.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 9: Từ nào có thể thay thế từ “vui lòng” trong câu “Dầu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”?

- A. Cam chịu.
- B. Cam lòng.
- C. Bình thường.
- D. Mặc kệ.

Câu 10: Trần Quốc Tuấn đã sử dụng biện pháp tu từ nào để lột tả sự ngang nhiên, lão xược và tàn ác của quân giặc xâm lược?

- A. Vật hoá.
- C. So sánh.
- B. Nhân hoá.
- D. Ẩn dụ.

Câu 11: Nghĩa của từ “ngheh ngang” là gì?

- A. Ở trạng thái lắc lư, nghiêng ngả như trực ngã.
- B. Tỏ ra không kiêng sợ gì ai, ngang nhiên làm những việc biết rằng mọi người có thể phản đối.
- C. Không chịu theo ai cả mà cứ theo mình, dù có biết là sai trái đi nữa.
- D. Tỏ ra tự đắc, coi thường mọi người bằng những thái độ, lời nói gây cảm giác khó chịu.

Câu 12: Các gương trung thần, nghĩa sĩ hi sinh vì chủ trong tác phẩm là?

- A. Kỉ Tín.
- B. Do Vu.
- C. Dự Nhượng.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Dụng ý của tác giả thể hiện qua câu : "Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan"?

- A. Thể hiện sự thông cảm với các tướng sĩ.
- B. Kêu gọi tinh thần đấu tranh của các tướng sĩ.
- C. Miêu tả hoàn cảnh sinh sống của mình cũng như của các tướng sĩ.
- D. Khẳng định mình và các tướng sĩ là những người cùng cảnh ngộ.

Câu 2: Điền từ thích hợp vào chỗ trống

“Hịch tướng sĩ là...bất hủ phản ánh lòng yêu nước và tinh thần quyết chiến quyết thắng quân xâm lược của dân tộc ta.”

A. Áng thiên cổ hùng văn.

B. Lời hịch vang dậy núi sông.

C. Tiếng kèn xuất quân.

D. Bài văn chính luận xuất sắc.

Câu 3: “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh...nỗi nan của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện lòng căm thù giặc, ý chí quyết thắng. Cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống là?

A. Tình yêu nam nữ.

B. Tình thần yêu nước.

C. Tình yêu thiên nhiên.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 4: Tình hình yêu nước và nỗi lòng của chủ tướng **không** thể hiện qua chi tiết nào sau đây?

A. Vạch trần tội ác và sự ngang ngược của giặc – tham lam, tàn bạo, hống hách.

B. Khích lệ lòng căm thù giặc, khơi nỗi nhục mất nước.

C. Chỉ ra gương các trung thần nghĩa sĩ trong lịch sử.

D. Nỗi lòng chủ tướng: đau đớn, uất hận, căm hờn.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Giọng văn trong tác phẩm “Hịch tướng sĩ” rất linh hoạt, có khi là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, có khi là lời người cùng ảnh, lúc là lời khuyên răn bày tỏ thiệt hơn, khi lại là lời nghiêm khắc cảnh cáo. Theo em, sự thay đổi giọng điệu như vậy phù hợp với điều gì?

A. Các biện pháp nghệ thuật trong tác phẩm.

B. Nội dung cảm xúc và thái độ của tác giả, tác động cả về trí lẫn tình cảm.

C. Khơi dậy trách nhiệm của mọi người với chủ tướng cũng như chính bản thân họ.

D. Đáp án B,C đúng.

Câu 2: Có ý kiến cho rằng “Đọc bài hịch, ta có cảm tưởng như mỗi chữ, mỗi câu văn đều là những lời gan ruột của người anh hùng Trần Quốc Tuấn. Sau những câu văn hùng hồn, thấm đượm là hình ảnh người anh hùng yêu nước xót đau đến quặn lòng vì nước non bị quân thù giày xéo, là ngọn lửa căm thù hùng hực cháy trong tim, là sự nóng lòng rửa nhục đến quên ăn mất ngủ. Khi bày tỏ những đớn đau dẫn vật tự đáy lòng mình, chính Trần Quốc Tuấn đã nêu ra một tấm gương bất khuất về lòng yêu nước để cho tướng sĩ noi theo.” Em có đồng ý với ý kiến này không?

A. Có.

B. Không.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

1. B	2. A	3. C	4. A	5. D	6. C	7. A	8. B	9. B	10. C
11. D	12. D								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. B	2. D	3. A	4. B	5. C	6. A	7. C	8. D	9. B	10. D
11. B	12. D								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. D	2. A	3. B	4. C
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. D	2. A
------	------

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI NAM QUỐC SƠN HÀ (30 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

Câu 1: Tác giả của “Nam quốc sơn hà” là ai?

A. Tương truyền là Lý Thường Kiệt.

B. Nguyễn Du.

C. Tố Hữu.

D. Nguyễn Bình Khiêm.

Câu 2: “Nam quốc sơn hà” có nghĩa là gì?

A. Núi sông nước Nam.

B. Sông núi nước Nam.

C. Sông núi phía Nam.

D. Sông núi ở miền Nam Tổ quốc.

Câu 3: Hoàn cảnh sáng tác của “Nam quốc sơn hà” là?

A. Theo sách “Lĩnh Nam chích quái”, bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến cho quân Tống hoảng sợ, giúp vua Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981.

B. Theo sách “Đại Việt sử kí toàn thư”, Lý Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đền thờ thần sông là Trương tướng quân. Sau đó quân Tống thảm bại đúng như lời trong bài thơ.

C. Khi giặc Nguyên Mông sang xâm lược nước ta lần thứ hai, lúc này quân giặc rất mạnh nên muốn đánh bại chúng phải có sự đồng tình, ủng hộ của toàn quân, toàn dân.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 4: Nam quốc sơn hà được mệnh danh là?

A. Áng thiên cổ hùng văn.

B. Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

C. Bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của nước ta.

D. Bài thơ có một không hai.

Câu 5: Thể thơ tác giả dùng để viết Nam quốc sơn hà là gì?

A. Song thất lục bát.

B. Thất ngôn tứ tuyệt.

C. Thất ngôn bát cú.

D. Ngũ ngôn tứ tuyệt.

Câu 6: Bài thơ được coi là bản “tuyên ngôn độc lập” của nước ta. Em hiểu thể nào là “bản tuyên ngôn độc lập”?

A. Là văn bản tuyên bố sự độc lập của một quốc gia.

B. Ra đời để khẳng định chủ quyền của quốc gia.

C. Là kết tinh những quyền lợi cơ bản và những nguyện vọng thiết tha của nhân dân.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 7: “Nam quốc sơn hà” ngoài việc biểu ý còn có biểu cảm, đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 8: Bài thơ được chia làm mấy phần?

A. 1 phần.

B. 2 phần.

C. 3 phần.

D. 4 phần.

Câu 9: Từ “Nam đế” có nghĩa là gì?

- A. Hoàng đế nước Nam.
- B. Người đứng đầu một quốc gia.
- C. Thể hiện sự ngang hàng với phương Bắc.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 10: Từ “thiên thư” có nghĩa là gì?

- A. Sách trời.
- B. Lãnh thổ, địa phận của đất nước đã được ghi tại sách trời.
- C. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của dân tộc ta là một chân lý không thể chối cãi và thay đổi được.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 11: Bài thơ được ra đời trong cuộc kháng chiến nào?

- A. Ngô Quyền đánh quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng.
- B. Lý Thường Kiệt chống quân Tống trên sông Như Nguyệt.
- C. Trần Quang Khải chống giặc Mông- Nguyên ở bến Chương Dương.
- D. Quang Trung đại phá quân Thanh.

Câu 12: “Nam quốc sơn hà” là bản tuyên ngôn thứ mấy của nước ta?

- A. Đầu tiên.
- B. Thứ hai.
- C. Thứ ba.
- D. Thứ tư.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Nam quốc sơn hà khẳng định điều gì?

- A. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ.
- B. Nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền.
- C. Khẳng định sự ngang hàng về vị thế với phương Bắc.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Nội dung nào **không** xuất hiện trong bài Sông núi nước Nam?

- A. Khẳng định bề dày truyền thống văn hóa của người Việt.
- B. Khẳng định ranh giới lãnh thổ.
- C. Khẳng định quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 3: Nội dung tuyên ngôn độc lập trong bài thơ là gì?

A. Nước Nam thuộc chủ quyền của người Nam, có vị vua riêng.

B. Nước Nam độc lập đã là phận định sẵn.

C. Khi ngoại bang xâm chiếm nhất định sẽ gánh lấy thất bại.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 4: Đáp án nào dưới đây **không** thể hiện giọng điệu của bài thơ?

A. Đồng dục.

B. Bi thảm.

C. Đan thép.

D. Mang đầy tinh thần hào hùng dân tộc.

Câu 5: Tình cảm và thái độ của người viết thể hiện trong bài thơ?

A. Tự hào về chủ quyền của dân tộc

B. Khẳng định quyết tâm chống xâm lăng

C. Tin tưởng tương lai tươi sáng của đất nước

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 6: Tác giả tự xưng dân tộc mình là “Nam quốc”, gọi vua nước ta là “đế”. Điều đó có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước.

B. Thể hiện hào khí dân tộc.

C. Thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc.

D. Thể hiện tình cảm của tác giả.

Câu 7: Nội dung hai câu thơ đầu của bài thơ là gì?

A. Thể hiện niềm tự hào của tác giả.

B. Khẳng định chân lý của độc lập, chủ quyền.

C. Giới thiệu về nước Nam.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 8: Có ý kiến cho rằng câu thơ thứ hai không chỉ vang lên niềm tự hào, kiêu hãnh về dân tộc mà còn là lời cảnh tỉnh cho sự hống hách, ngông cuồng của bọn đế quốc phương Bắc. Theo em, ý kiến này đúng hay sai?

A. Sai.

B. Đúng.

Câu 9: Câu thơ “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm” hướng đến ai?

A. Nhân dân ta.

B. Vua quan.

C. Bọn giặc xâm lược.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 10: Câu thơ “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm” có ý nghĩa gì?

A. Đây là một câu hỏi bao hàm thái độ vừa ngạc nhiên, vừa khinh bỉ.

B. Đây là một câu hỏi về lý do giặc xâm lược nước ta.

C. Đây là một câu hỏi dẫn dắt quân địch.

D. Đây là một câu hỏi không cần câu trả lời.

Câu 11: Câu thơ cuối của bài có ý nghĩa như thế nào?

A. Nhữ đẳng là cùng một lũ bầy, khan tức khán là xem, thủ là nhận lấy, bại là hỏng, thua, hư là trông không, không vào đâu cả.

B. Câu thơ là câu trả lời, nhưng không trả lời trực tiếp mà báo trước cho chúng biết số phận thua trận tan tành không manh giáp của quân xâm lược.

C. Câu thơ cuối cùng nối tiếp mạch thơ của ba câu trên. Không thông được chân lí của nhân gian, cũng không hiểu thiên lí của trời đất, dẫn quân xâm lăng nước người, chúng bay rồi chống mắt xem sự bại vong, tan tác một cách nhục nhã.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 12: Thái độ của người viết thể hiện như thế nào ở hai câu thơ cuối?

A. Hai câu cuối là lời cảnh báo đánh thép, kiên quyết thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng để giữ vững nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

B. Khẳng định vững chắc chủ quyền độc lập và bình đẳng của dân tộc ta.

C. Khẳng định quyết tâm sắt đá: sẽ đập tan mọi âm mưu, hành động liêu lĩnh của bất kì kẻ xâm lược ngông cuồng nào, cho dù chúng tàn bạo, nham hiểm và mạnh đến đâu.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Ngoài bài Nam quốc sơn hà, em còn biết những văn bản nào khác được coi là tuyên ngôn độc lập của nước ta? Hãy kể tên?

A. Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.

B. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh.

C. Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 2: Vì sao có thể ví bài thơ như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam?

A. Nó khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược,

B. Không một thế lực nào có thể xâm phạm quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam ta được.

C. Vì nó được viết sớm nhất.

D. Đáp án A, B đúng.

Câu 3: Bài thơ khẳng định quyền độc lập, tự chủ của dân tộc ta từ nghìn năm trước. Quyền độc lập, tự chủ này được phát triển cụ thể trong tác phẩm nào?

A. Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi (Mỗi bên hùng cứ một phương...).

B. Tuyên ngôn độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh (Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập...).

C. Hịch tướng sĩ của Trần Quốc Tuấn.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 4: Giá trị nghệ thuật của bài thơ là gì?

A. Bài thơ mang màu sắc chính luận sâu sắc.

B. Ý thơ được thể hiện trực tiếp, mạch lạc, rõ ràng.

C. Giọng thơ hùng hồn, đanh thép, gọn sắc, cô đọng.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Liên hệ với lịch sử dân tộc, hãy chứng minh sự chính xác của lời tuyên ngôn chiến thắng này?

A. Quân và dân nhà Lý dưới sự chỉ huy của Quang Trung đã đánh tan đạo quân xâm lược Tống, bảo vệ bờ cõi nước ta.

B. Quân và dân nhà Lý dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt đã đánh tan đạo quân xâm lược Nguyên, bảo vệ bờ cõi nước ta.

C. Quân và dân nhà Lý dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt đã đánh tan đạo quân xâm lược Tống, bảo vệ bờ cõi nước ta.

D. Quân và dân nhà Lý dưới sự chỉ huy của Lý Thái Tổ đã đánh tan đạo quân xâm lược Tống, bảo vệ bờ cõi nước ta.

Câu 2: Em rút ra được nhận thức gì cho bản thân sau khi học bài thơ này?

- A.** Cảm nhận được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.
- B.** Tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.
- C.** Bài thơ không chỉ để lại những giá trị về tư tưởng mà còn là giá trị về nghệ thuật.
- D. Tất cả các đáp án trên.**

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

1. A	2. B	3. D	4. B	5. B	6. D	7. A	8. B	9. D	10. D
11. B	12. A								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. D	2. A	3. D	4. B	5. D	6. C	7. B	8. B	9. C	10. A
11. D	12. D								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. D	2. D	3. D	4. D
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. C	2. D
------	------

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH VÀ ĐOẠN VĂN QUY NẠP (25 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Đoạn văn diễn dịch là gì?

- A.** Là đoạn văn trong đó câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát đứng ở đầu đoạn, các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.
- B.** Là đoạn văn phối hợp diễn dịch với quy nạp. Câu mở đầu đoạn nêu ý khái quát bậc một, các câu tiếp theo khai triển ý khái quát, câu kết đoạn là ý khái quát bậc hai mang tính chất nâng cao, mở rộng.
- C.** Là đoạn văn được trình bày đi từ các ý chi tiết, cụ thể nhằm hướng tới ý khái quát nằm ở cuối đoạn.
- D.** Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Đoạn văn quy nạp là gì?

- A. Là đoạn văn trong đó câu chủ đề mang ý nghĩa khái quát đứng ở đầu đoạn, các câu còn lại triển khai cụ thể ý của câu chủ đề, bổ sung, làm rõ cho câu chủ đề.
- B. Là đoạn văn phối hợp diễn dịch với quy nạp. Câu mở đầu đoạn nêu ý khái quát bậc một, các câu tiếp theo khai triển ý khái quát, câu kết đoạn là ý khái quát bậc hai mang tính chất nâng cao, mở rộng.
- C. Là đoạn văn được trình bày đi từ các ý chi tiết, cụ thể nhằm hướng tới ý khái quát nằm ở cuối đoạn.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 3: Các câu trong đoạn văn diễn dịch được trình bày theo những thao tác nào?

- A. Chứng minh.
- B. Bình luận.
- C. Phân tích.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 4: Các câu trong đoạn văn diễn dịch có thể triển khai kèm theo cảm nhận của người viết, đúng hay sai?

- A. Đúng.
- B. Sai.

Câu 5: Chức năng của đoạn văn diễn dịch là?

- A. Thể hiện rõ chủ đề.
- B. Triển khai nội dung.
- C. Giải thích ý nghĩa các từ ngữ.
- D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 6: Chức năng của đoạn văn quy nạp có giống với chức năng của đoạn văn diễn dịch không?

- A. Có.
- B. Không.

Câu 7: Đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp phù hợp với loại văn bản nào?

- A. Biểu cảm.
- B. Miêu tả.
- C. Tự sự.
- D. Nghị luận.

Câu 8: Cách trình bày đoạn văn diễn dịch có câu chủ đề là?

- A. Câu chủ đề đứng ở cuối đoạn.
- B. Câu chủ đề đứng ở giữa đoạn.
- C. Câu chủ đề đứng ở đầu đoạn.
- D. Đáp án B,C đúng.

Câu 9: Cách trình bày đoạn văn quy nạp có câu chủ đề là?

- A. Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.
- B. Câu chủ đề nằm ở giữa đoạn.
- C. Câu chủ đề nằm ở cuối đoạn.
- D. Đáp án A,B đúng.

Câu 10: Các câu được trình bày bằng thao tác minh họa, lập luận, cảm nhận và đánh giá chung từ đó rút ra nhận xét là yếu tố của đoạn văn nào?

- A. Diễn dịch.
- B. Quy nạp.
- C. Tổng phân hợp.
- D. Song song.

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

Câu 1: Tìm câu chủ đề trong đoạn văn sau

“Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho cao Đế; Do Vu chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay chết theo nạn của vua; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có?”

(Trần Quốc Tuấn, **Hịch tướng sĩ**)

- A. Ta thường nghe: Kỉ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho cao Đế; Do Vu chia lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương.
- B. Dự Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay chết theo nạn của vua.
- C. Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung.
- D. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước, đời nào không có?

Câu 2: Tìm câu chủ đề trong đoạn văn sau

“Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thần nhiên, không thương tiếc, không do dự vắn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lão đảo mấy vòng trên không rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng

bằng cho tận tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thầm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến môn trón một ngọn cỏ xanh mềm mại.”

- A. Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng.
- B. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thần nhiên, không thương tiếc, không do dự vãn vơ.
- C. Có chiếc lá như con chim bị lão đảo mấy vòng trên không rồi cô gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho tận tới cái giây nằm phơi trên mặt đất.
- D. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thầm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại.

Câu 3: Đây là đoạn văn diễn dịch đúng hay sai?

“Hiện nay tình hình giao thông tại thành phố có rất nhiều vấn đề phải nói trong đó có vấn đề ùn tắc giao thông. Các tuyến đường thường xuyên xảy ra ùn tắc là do những lí do sau: gần trường học, có đường ray xe lửa đi qua, thường xuyên ngập nước khi trời mưa, hệ thống tín hiệu đèn giao thông bị hỏng mà không có sự can thiệp kịp thời của cảnh sát giao thông, và ý thức của người dân... chống ùn tắc giao thông là vấn đề của toàn xã hội, chứ không phải của riêng ngành giao thông, công an. Về lâu dài nên mở rộng diện tích đất khu trung tâm thành phố Hồ Chí Minh ra ngoại ô, tức là giãn dân ra xa khu trung hành chính hiện ra để thực hiện vấn đề trên không còn cách nào là phải quy hoạch lại các cơ quan hành chính, trường học, bệnh viện ra xa trung tâm hiện nay.”

A. Đúng.

B. Sai.

Câu 4: Câu in đậm dưới đây có phải là câu chủ đề không?

“Vẻ đẹp của con người không chỉ thể hiện qua nhan sắc mà còn được khẳng định bởi tài năng và tâm hồn. Nhan sắc là sắc đẹp trời phú, là hình hài mẹ cha ban tặng cho mỗi con người nhưng tài năng, tính cách là sự tu dưỡng, rèn luyện ở mỗi cá nhân.. Một bông hoa dù sắc màu rực rỡ nhưng không tỏa ngát hương thơm, liệu có thu hút được ánh nhìn của mọi người được lâu ? Con người cũng vậy, vẻ đẹp ngoại hình sẽ tạo ấn tượng với người khác nhưng sự tài năng và sâu sắc trong tâm hồn sẽ khiến người khác nhớ mãi về bạn. Do đó mỗi người cần có sự chăm chú chính bản thân mình, để "dù bạn không cao nhưng vẫn khiến người khác phải ngược nhìn". Tài năng hay vẻ đẹp tâm hồn ấy dù có sẵn trong mỗi chúng ta nhưng nếu không chịu học hỏi, bồi đắp kiến thức thì chúng cũng sẽ ngủ quên và dần dần biến mất. Mỗi ngày trôi qua, bạn cần học hỏi nhiều hơn, lắng nghe cuộc sống nhiều hơn để nuôi dưỡng tâm hồn. Đó cũng chính là cách bạn yêu thương và trân trọng chính bản thân mình.”

A. Có.

B. Không.

Câu 5: Câu chủ đề của đoạn văn sau nằm ở vị trí nào?

“Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ hơn từ cha. Chúng được mẹ cho bú sữa, bông ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau... Với việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ. Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.”

A. Đầu đoạn văn.

B. Giữa đoạn văn.

C. Cuối đoạn văn.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 6: Xác định kiểu đoạn văn dưới đây và cho biết dựa vào yếu tố nào mà em biết được?

“Những đứa con từ khi sinh ra đến khi trưởng thành, phần lớn thời gian là gần gũi và thường là chịu ảnh hưởng từ người mẹ hơn từ cha. Chúng được mẹ cho bú sữa, bông ẵm, dỗ dành, tắm giặt, ru ngủ, cho ăn uống, chăm sóc rất nhiều khi ốm đau... Với việc nhận thức thông qua quá trình bé tự quan sát, học hỏi tự nhiên hàng ngày và ảnh hưởng đặc biệt các đức của người mẹ, đã hình thành dần dần bản tính của đứa con theo kiểu “mưa dầm, thấm lâu”. Ngoài ra, những đứa trẻ thường là thích bắt chước người khác thông qua những hành động của người gần gũi nhất chủ yếu là người mẹ. Chính người phụ nữ là người chăm sóc và giáo dục con cái chủ yếu trong gia đình.”

A. Đoạn văn quy nạp, câu chủ đề nằm ở cuối đoạn văn.

B. Đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.

C. Đoạn văn tổng phân hợp, câu chủ đề nằm ở đầu và cuối đoạn văn.

D. Đoạn văn song hành, không có câu chủ đề.

Câu 7: Đoạn văn dưới đây có phải đoạn văn quy nạp không? Vì sao?

“Trong tập “Nhật kí trong tù” (Hồ Chí Minh), có những bài phác họa sơ sài mà chân thực đậm đà, càng tìm hiểu càng thú vị như đang chiêm ngưỡng một bức tranh cổ điển. Có những bài cảnh lồng lộng sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có những bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức tranh sơn mài thâm trầm, sâu sắc.”

A. Có, vì câu chủ đề nằm ở cuối đoạn.

B. Có, vì câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.

C. Không, vì câu chủ đề nằm ở đầu đoạn.

D. Không, vì không có câu chủ đề.**Câu 8:** Đoạn văn dưới đây là đoạn văn diễn dịch, đúng hay sai?

“Nón lá thường có hình chóp nhọn, được làm bằng lá cọ phơi khô, có phết sơn bóng phía ngoài. Đây là chiếc nón thông dụng, được người dân ta sử dụng thường xuyên để che nắng, che mưa, cũng như trở thành một thứ biểu tượng cho con người Việt Nam. Cũng có loại nón lá hình tròn, gọi là nón quai thao, đây là nón đặc trưng mà các liền anh liền chị dùng trong các lễ hội giao duyên truyền thống. Ngoài ra còn có nón ngựa, đây là loại nón riêng của tỉnh Bình Định, được làm bằng lá dừa, người ta thường đội khi cưỡi ngựa.”

A. Sai.**B.** Đúng.**Câu 9:** Xác định câu chủ đề trong đoạn văn sau đây và cho biết đó là đoạn diễn dịch hay quy nạp?

“Đêm nay là đêm 30, gia đình tôi đang tất bật chuẩn bị mâm cỗ để đón giao thừa. Anh trai và bố đang làm thịt gà, mẹ thì nhào bột làm bánh rán. Năm nào cũng vậy, món bánh rán của mẹ tôi luôn là món ăn không thể thiếu trong mâm cỗ đặc biệt đó. Còn tôi, vì là con gái cưng trong gia đình và là trưởng nữ của dòng họ, nên tôi được ưu ái giao cho nhiệm vụ cùng ông bà trang trí bàn thờ tổ tiên. Mọi người ai trong gia đình, ai cũng cố gắng làm thật nhanh để kịp giờ. Đúng 12 giờ, gia đình chúng tôi, 3 thế hệ đã quây quần đông đủ bên mâm cỗ cùng nâng ly chúc mừng năm mới. Tiếng chúc mừng, tiếng cười, tiếng ly va vào nhau... Tất cả làm cho tôi có một cảm nhận: Gia đình mình thật hạnh phúc.”

A. Đoạn văn diễn dịch, câu chủ đề là “Đêm nay là đêm 30, gia đình tôi đang tất bật chuẩn bị mâm cỗ để đón giao thừa”.**B.** Đoạn văn quy nạp, câu chủ đề là “Tất cả làm cho tôi có một cảm nhận: Gia đình mình thật hạnh phúc”.**C.** Đoạn văn song song, không có câu chủ đề.**D.** Tất cả các đáp án trên đều sai.**Câu 10:** Xác định câu chủ đề trong đoạn văn sau

“Sáng tác thơ là một công việc rất đặc biệt, rất khó khăn, đòi hỏi người nghệ sĩ phải hình thành một cá tính sáng tạo. Tuy vậy, theo Xuân Diệu - tuyệt nhiên không nên thổi phồng cái cá biệt, cái độc đáo ấy lên một cách quá đáng. Điều ấy không hợp với thơ và không phải phẩm chất của người làm thơ chân chính. Hãy sáng tác thơ một cách tự nhiên, bình dị, phải đấu tranh để cải thiện cái việc tự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa. Trong khi sáng tác nhà thơ không thể cứ chăm chăm: mình phải ghi dấu ấn của mình vào trong bài thơ này, tập thơ nọ. Chính trong quá trình lao động dồn toàn tâm toàn ý bằng sự xúc cảm tràn đầy, có thể nhà thơ sẽ tạo ra được bản sắc riêng biệt một cách tự nhiên, nhà thơ sẽ biểu hiện được cái cá biệt của mình trong những giây phút cảm bút”.

A. Sáng tác thơ là một công việc rất đặc biệt, rất khó khăn, đòi hỏi người nghệ sĩ phải hình thành một cá tính sáng tạo.

- B.** Tuy vậy, theo Xuân Diệu - tuyệt nhiên không nên thổi phồng cái cá biệt, cái độc đáo ấy lên một cách quá đáng.
- C.** Chính trong quá trình lao động dồn toàn tâm toàn ý bằng sự xúc cảm tràn đầy, có thể nhà thơ sẽ tạo ra được bản sắc riêng biệt một cách tự nhiên, nhà thơ sẽ biểu hiện được cái cá biệt của mình trong những giây phút cảm bút.
- D.** Hãy sáng tác thơ một cách tự nhiên, bình dị, phải đấu tranh để cải thiện cái việc tự sáng tạo ấy không trở thành anh hùng chủ nghĩa.

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Sắp xếp các câu sau đây để hoàn thành một đoạn văn diễn dịch

- (1) Điện thoại thông minh không chỉ giúp chúng ta có thể liên lạc với nhau ở khoảng cách xa xôi, kết nối thông tin trên toàn thế giới mà còn giúp chúng ta tiếp cận với những kiến thức của toàn nhân loại.
- (2) Có thể nói, điện thoại thông minh vừa mang tới lợi ích nhưng cũng mang tới nhiều tác hại cho con người.
- (3) Thế nhưng, nó cũng đem lại cho chúng ta rất nhiều phiền toái như sự trói buộc, lệ thuộc vào điện thoại, những hệ lụy cho con trẻ như nghiện game hay internet, các thông tin đồi trụy, chưa được kiểm duyệt.

A. (1), (2), (3).

B. (3), (2), (1).

C. (1), (3), (2).

D. (2), (1), (3).

Câu 2: Điền câu chủ đề thích hợp vào chỗ trống dưới đây để tạo thành đoạn văn diễn dịch

“...Nói thế có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt là một thứ tiếng hài hòa về mặt âm hưởng, thanh điệu mà cũng rất tế nhị, uyển chuyển trong cách đặt câu. Nói thế cũng có nghĩa là nói rằng: tiếng Việt có đầy đủ khả năng để diễn đạt tình cảm, tư tưởng của người Việt Nam và để thỏa mãn cho yêu cầu của đời sống văn hóa nước nhà qua các thời kì lịch sử.”

(Đặng Thai Mai, **Tiếng Việt, một biểu hiện hùng hồn của sức sống dân tộc**)

A. Chúng ta cần bảo vệ tiếng Việt.

B. Chúng ta cần phát triển tiếng Việt.

C. Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 3: Sắp xếp các câu văn dưới đây theo trình tự hợp lý để tạo thành đoạn văn quy nạp

- (1) Nhan sắc là sắc đẹp trời phú, là hình hài mẹ cha ban tặng cho mỗi con người nhưng tài năng, tính cách là sự tu dưỡng, rèn luyện ở mỗi cá nhân.

- (2) Con người cũng vậy, vẻ đẹp ngoại hình sẽ tạo ấn tượng với người khác nhưng sự tài năng và sâu sắc trong tâm hồn sẽ khiến người khác nhớ mãi về bạn.
- (3) Tài năng hay vẻ đẹp tâm hồn ấy dù có sẵn trong mỗi chúng ta nhưng nếu không chịu học hỏi, bồi đắp kiến thức thì chúng cũng sẽ ngủ quên và dần dần biến mất.
- (4) Mỗi ngày trôi qua, bạn cần học hỏi nhiều hơn, lắng nghe cuộc sống nhiều hơn để nuôi dưỡng tâm hồn.
- (5) Đó cũng chính là cách bạn yêu thương và trân trọng chính bản thân mình.
- (6) Qua đó, chúng ta có thể thấy vẻ đẹp của con người không chỉ thể hiện qua nhan sắc mà còn được khẳng định bởi tài năng và tâm hồn.

A. (1), (2), (3), (4), (5), (6).

B. (6), (5), (4), (3), (2), (1).

C. (1), (2), (3), (6), (5), (4).

D. (4), (2), (3), (1), (5), (6).

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Đoạn văn nào dưới đây trong tác phẩm “Hịch tướng sĩ” được viết theo lối quy nạp?

- A. Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xưa, ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.
- B. Vương Công Kiên là người như thế nào? Tì tướng của ông là Nguyễn Văn lập lại là người thế nào, mà giữ thành Điều Ngự nhỏ như cái đầu, chống với quân Mông Kha đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn đời ơn sâu!
- C. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm; quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng; đi thủy thì ta ho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì.
- D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 2: Các câu trong đoạn văn dưới đây có ý nghĩa gì đối với câu chủ đề được in đậm?

“Đề cao sự khác biệt không phải là cố động cho lối sống cá nhân ích kỉ, hẹp hòi, chối bỏ mọi trách nhiệm. Đề cao sự khác biệt không có nghĩa chấp nhận những sự kì dị, tái diễn cốt làm cho cá nhân nổi bật giữa đám đông, xa lạ với văn hóa truyền thống của dân tộc. Đề cao sự khác biệt cũng không đồng nghĩa với việc tán thành lối sống tự do vô mục đích. **Xét cho cùng, chỉ sự khác biệt nào toát lên được giá trị của cá nhân và có ích cho cộng đồng thì mới thực sự có ý nghĩa, đáng được đề cao.**”

- A.** Ba câu đầu nêu những biểu hiện của sự khác biệt tầm thường, vô nghĩa. Từ đó, câu chủ đề (in đậm) ở cuối đoạn văn mới có cơ sở khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa đáng được đề cao.
- B.** Ba câu đầu nêu những tính chất của sự khác biệt tầm thường, vô nghĩa. Từ đó, câu chủ đề (in đậm) ở cuối đoạn văn mới có cơ sở khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa đáng được đề cao.
- C.** Ba câu đầu nêu những biểu hiện của sự khác biệt tầm thường, vô nghĩa. Từ đó, câu chủ đề (in đậm) ở đầu đoạn văn mới có cơ sở khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa đáng được đề cao.
- D.** Cả 3 đáp án trên đều sai.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

1. A	2. C	3. D	4. A	5. A	6. A	7. D	8. C	9. C	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

1. D	2. A	3. A	4. A	5. C	6. A	7. D	8. B	9. B	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

1. C	2. C	3. A
------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. C	2. A
------	------

BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI

TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA (HỒ CHÍ MINH) (30 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

Câu 1: Tác giả văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là ai?

- A.** Nguyễn Du.
- B.** Hồ Chí Minh.
- C.** Tố Hữu.
- D.** Đặng Thai Mai.

Câu 2: Năm sinh, năm mất của tác giả Hồ Chí Minh là?

- A.** 1890 – 1969.
- B.** 1891 – 1970.

C. 1892 – 1971.

D. 1893 – 1972.

Câu 3: Khẳng định nào dưới đây đúng về Hồ Chí Minh?

A. Là nhà cách mạng, lãnh tụ của Việt Nam.

B. Là nhà văn, nhà thơ.

C. Là nhà văn hóa lớn.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 4: Hồ Chí Minh đã để lại cho đời sau những di sản văn học nào?

A. Văn chính luận.

B. Truyện kí.

C. Thơ ca.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 5: Đáp án nào dưới đây **không** phải là áng văn nổi tiếng của Hồ Chí Minh?

A. Tuyên ngôn Độc lập.

B. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

C. Thu điều.

D. Không có gì quý hơn độc lập tự do.

Câu 6: Xuất xứ của tác phẩm “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” là?

A. Trích trong tập “Đường cách mệnh”.

B. Trong cuốn “Người cùng khổ”.

C. Trong tập “Việt Bắc”.

D. Trích trong báo cáo chính trị của tác giả tại Đại hội lần thứ 2, tháng 2 năm 1951.

Câu 7: Tác phẩm “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” được viết trong thời kì nào?

A. Thời kì kháng chiến chống Pháp.

B. Thời kì kháng chiến chống Mĩ.

C. Thời kì đất nước ta xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

D. Những năm đầu thế kỉ XX.

Câu 8: Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh là?

A. Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như chiến sĩ ngoài mặt trận.

B. Bác luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học.

C. Khi cầm bút, Hồ Chí Minh bao giờ cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 9: Tác phẩm “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” được chia làm mấy phần?

A. 1 phần.

B. 2 phần.

C. 3 phần.

D. 4 phần.

Câu 10: Văn bản “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta” viết về vấn đề gì?

A. Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam.

B. Tinh thần yêu nước của tác giả.

C. Tình yêu thiên nhiên mãnh liệt.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 11: Tinh thần yêu nước của nhân dân ta được thể hiện qua phần nào của tác phẩm?

A. Nhan đề.

B. Phần mở đầu.

C. Phần thân.

D. Phần kết.

Câu 12: Theo em, mục đích của văn bản này là gì?

A. Giới thiệu tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

B. Khẳng định tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

C. Đề cao tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam.

D. Đáp án B,C đúng.

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Vấn đề nghị luận của bài Tinh thần yêu nước của nhân dân ta nằm ở vị trí nào?

A. Câu mở đầu tác phẩm.

B. Câu mở đầu đoạn hai.

C. Câu mở đầu đoạn ba.

D. Phần kết luận.

Câu 2: Trong tác phẩm, Bác Hồ viết về lòng yêu nước của nhân dân ta trong quãng thời gian nào?

- A. Trong quá khứ.
- B. Trong hiện tại.
- C. Trong quá khứ và hiện tại.
- D. Trong tương lai.

Câu 3: Bài văn đề cập đến lòng yêu nước của nhân dân ta trong lĩnh vực nào?

- A. Trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược.
- B. Trong sự nghiệp xây dựng đất nước.
- C. Trong việc giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt.
- D. Cả A,B đều đúng.

Câu 4: Trọng tâm của việc chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong bài văn là ở thời kì nào ?

- A. Trong quá khứ.
- B. Trong cuộc kháng chiến hiện tại.
- C. Trong cuộc chiến đấu của nhân dân miền Bắc.
- D. Trong cuộc chiến đấu dũng cảm của bộ đội ta trên khắp các chiến trường.

Câu 5: Những sắc thái nào của tinh thần yêu nước được tác giả đề cập đến trong bài văn của mình?

- A. Tiềm tàng, kín đáo.
- B. Biểu lộ rõ ràng, đầy đủ.
- C. Khi thì tiềm tàng, kín đáo, lúc lại biểu lộ rõ ràng, đầy đủ.
- D. Luôn luôn mạnh mẽ, sôi sục.

Câu 6: Nét đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của bài văn này là gì?

- A. Sử dụng biện pháp so sánh.
- B. Sử dụng biện pháp ẩn dụ.
- C. Sử dụng biện pháp nhân hoá.
- D. Sử dụng biện pháp so sánh và liệt kê theo mô hình “từ ... đến...”.

Câu 7: Thủ pháp liệt kê được sử dụng tích hợp trong tác phẩm có tác dụng gì?

- A. Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.
- B. Làm sự vật trở nên gần gũi hơn với con người.

C. Thể hiện được sự phong phú với nhiều biểu hiện đa dạng của tinh thần yêu nước của nhân dân, ở mọi tầng lớp, giai cấp, lứa tuổi, địa phương.

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

Câu 8: Các động từ “kết thành”, “lướt qua”, “nhấn chìm” có tác dụng gì?

A. Thể hiện được sự đa dạng, phong phú của từ ngữ.

B. Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

C. Thể hiện những hoạt động bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

D. Thể hiện sức mạnh của lòng yêu nước với nhiều sắc thái khác nhau.

Câu 9: Tác phẩm có bao nhiêu hình ảnh so sánh đặc sắc?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 10: Câu văn nào ở phần 1 khái quát được nội dung vấn đề nghị luận trong văn bản?

A. Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.

B. Đó là một truyền thống quý báu của ta.

C. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 11: Tinh thần yêu nước trong các cuộc kháng chiến chống Pháp thể hiện qua những yếu tố nào?

A. Từ các lứa tuổi: già tới trẻ.

B. Khắp các vùng miền: miền ngược tới miền xuôi.

C. Mọi giai cấp, khắp các mặt trận.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 12: Trong văn bản **không** sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

A. Bố cục chặt chẽ.

B. Nhân hóa.

C. Dẫn chứng chọn lọc, xác thực, được trình bày thứ tự theo thời gian nhằm làm nổi bật tính toàn dân.

D. Lối so sánh độc đáo, giàu hình ảnh, gọi cho người đọc thấy được sức mạnh, giá trị quý báu của tinh thần yêu nước vốn là một khái niệm trừu tượng.

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Cần phải làm gì để phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân ta?

A. Làm cho tinh thần yêu nước được đưa ra trưng bày.

B. Giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến.

C. Ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, cha ông ta.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống “Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ...”

A. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

B. Tình yêu quê hương của tác giả.

C. Nỗi nhớ thương da diết của tác giả đối với quê hương, đất nước.

D. Đáp án A,B đúng.

Câu 3: Hãy nêu biểu hiện của lòng yêu nước?

A. Đứng lên, cầm súng ra chiến trường để chiến đấu chống lại kẻ thù. Không ngại khó khăn, gian khổ mà xông lên giành độc lập cho dân tộc.

B. Lòng yêu nước thể hiện qua một số câu nói nổi tiếng như: “Giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh” hay “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”.

C. Là không ngừng nỗ lực để góp phần đưa đất nước sánh vai với các cường quốc trên thế giới.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 4: Lòng yêu nước còn được thể hiện ở lòng tự hào dân tộc, biểu hiện cụ thể qua các áng thơ văn ngợi ca tinh thần ngoan cường của dân tộc; các bảo tàng lưu giữ những kỷ vật khắc ghi chiến công của các anh hùng liệt sĩ đã hi sinh vì độc lập, tự do cho dân tộc. Nhận định trên đúng hay sai?

A. Đúng.

B. Sai.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Qua văn bản này, em học được gì về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội?

A. Lựa chọn vấn đề nghị luận phù hợp.

B. Bố cục bài viết đầy đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài).

C. Diễn đạt rõ ràng, cụ thể.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 2: Trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam đối với đất nước là?

A. Không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện, trau dồi đạo đức để trở thành con người đủ sức, đủ tài.

B. Nghiêm túc, tự giác thực hiện các chính sách pháp luật của nhà nước, các nội quy, quy định của nhà trường, cơ quan công tác...

C. Lao động tích cực, hăng hái, làm giàu một cách chính đáng

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

1. B	2. A	3. D	4. D	5. C	6. D	7. A	8. D	9. C	10. A
11. A	12. C								

II. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

1. A	2. C	3. D	4. B	5. C	6. D	7. C	8. D	9. B	10. A
11. D	12. B								

III. VẬN DỤNG (4 CÂU)

1. D	2. A	3. D	4. A
------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. D	2. D
------	------

ĐỌC VĂN BẢN: LỄ XUỐNG DANH KHOA ĐÌNH DẬU (TRẦN TẾ XƯƠNG)

(30 câu)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (12 CÂU)

Câu 1: Trần Tế Xương sinh và mất năm nào?

A. 1870 - 1907

B. 1870 – 1903

C. 1870 – 1904

D. 1870 – 1905

Câu 2: Đâu là quê hương của Trần Tế Xương?

A. Bắc Ninh

B. Hải Dương

C. Nam Định

D. Hà Nội

Câu 3: Trần Tế Xương đỗ cuộc thi nào?

A. Trạng nguyên

B. Tú tài

C. Thi Hội

D. Thi Đình

Câu 4: Tác phẩm nào sau đây **không** phải của Trần Tế Xương?

A. Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu

B. Áo bông che bạn

C. Thương vợ

D. Vang bóng một thời

Câu 5: Ý nào sau đây **không** phải là phong cách nghệ thuật của Trần Tế Xương?

A. Tài hoa, uyên bác

B. Đậm chất trữ tình

C. Phản ánh rõ nét xã hội xưa

D. Đậm chất trào phúng

Câu 6: Trần Tế Xương thuộc dòng dõi nào?

A. Hoàng tộc

B. Nho gia

C. Quan lại

D. Tiểu thương

Câu 7: Thân sinh của Trần Tế Xương sinh được bao nhiêu người con?

A. 8

B. 7

C. 6

D. 9

Câu 8: Trước kia Trần Tế Xương vốn mang họ gì?

A. Lý

B. Trần

C. Phạm

D. Đinh

Câu 9: Bài thơ “Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu” miêu tả lễ xướng danh vào năm nào?

A. 1897

B. 1898

C. 1899

D. 1900

Câu 10: Hồi còn nhỏ Trần Tế Xương nổi tiếng là

A. Thông minh

B. Học giỏi

C. Ham học

D. Lười học

Câu 11: Trong các câu dưới đây câu nào đúng?

A. Cuộc đời ngắn ngủi có 37 năm của ông đã nằm gọn trong một giai đoạn bi thương nhất của đất nước

B. Cuộc đời ngắn ngủi có 37 năm nằm trong thời cường thịnh của đất nước

- C. Cuộc đời ngắn ngủi 37 năm nằm trong thời kì đất nước loạn lạc
- D. Cuộc đời ngắn ngủi 37 năm nằm trong sự phát triển từng bước đi lên của đất nước

Câu 12: Vào thời gian khi Trần Tế Xương sáng tác bài thơ nước ta đang phải chịu ách đô hộ của giặc nào?

- A. Pháp
- B. Mĩ
- C. Nguyên – Mông
- D. Thanh

2. THÔNG HIỂU (12 CÂU)

Câu 1: Trong các ý dưới đây, ý nào **không** đúng?

- A. Tú Xương lên 3 tuổi thì Bắc Kì bị tấn công lần thứ nhất
- B. Tú Xương 12 tuổi Bắc Kì bị tấn công lần thứ 2
- C. Tú Xương 15 tuổi Bắc Kì bị tấn công lần thứ 3
- D. Tú Xương lên 16 thì lấy vợ

Câu 2: Bài thơ chủ yếu miêu tả điều gì?

- A. Bài thơ miêu tả lễ xướng danh khoa thi Hương tại trường Nam năm 1897, qua đó nói lên nỗi nhục mất nước và niềm chua xót của kẻ sĩ đương thời
- B. Bài thơ miêu tả cảnh sĩ tử đi thi hương và quá trình làm bài thi
- C. Bài thơ miêu tả chốn thi cử của thời đại phong kiến xưa
- D. Bài thơ miêu tả thể lệ cuộc thi Hương thời xưa

Câu 3: Cuộc thi được tổ chức mấy năm một lần?

- A. 2 năm 1 lần
- B. 3 năm 1 lần
- C. 4 năm một lần
- D. Mỗi năm 1 lần

Câu 4: Câu thơ “Trường Nam thi lẫn với trường Hà” nói lên điều gì?

- A. Sự nghiêm khắc**
- B. Sự cạnh tranh khốc liệt**
- C. Sự hỗn tạp**
- D. Sự gian lận**

Câu 5: Khoa thi năm 1894 có bao nhiêu sĩ tử?

- A. 10.000 sĩ tử**
- B. 11.000 sĩ tử**
- C. 12.000 sĩ tử**
- D. 13.000 sĩ tử**

Câu 6: Câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ” tác giả đã cố tình đảo lộn từ nào?

- A. Lôi thôi**
- B. Sĩ tử**
- C. Vai**
- D. Đeo lọ**

Câu 7: Hai câu thơ “Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ-Âm ọe quan trường miệng thét loa” nói lên điều gì?

- A. Sự khắc nghiệt và nghiêm khắc của chốn thi cử**
- B. Sĩ tử thì lôi thôi nhếch nhác, mất đi cái vẻ nho nhã thư sinh. Quan trường, giám thị, giám khảo cũng chẳng còn cái phong thái nghiêm trang, trịnh trọng vốn có**
- C. Học hành khổ sở của sĩ tử**
- D. Sự chính trực của giám thị**

Câu 8: Vì sao khi đàn bà đến qua trường lại là một nỗi nhục?

- A. Vì đàn bà không thể đi học**
- B. Vì đàn bà mang lại điều không tốt**
- C. Vì người xưa quan niệm chỉ con trai mới được học hành và thi cử**
- D. Vì họ học không giỏi**

Câu 9: Bài thơ thể hiện suy nghĩ gì về nước nhà của Trần Tế xương?

- A. Suy nghĩ về việc thi cử
- B. Suy nghĩ về việc mất nước
- C. Suy nghĩ về việc nghiêm khắc của chốn thi cử
- D. Hối hận, đau khổ về việc mất nước và việc tổ chức thi cử thời bấy giờ

Câu 10: Nỗi đau về việc mất nước thể hiện qua những câu thơ nào?

- A. “Trường Nam thi lẫn với trường Hà-Âm ọe quan trường miệng thét loa-Lộng
cầm rợp trời, quan sứ đến,-Váy lê quét đất, mụ đầm ra.-Ngoảnh cổ mà trông
cảnh nước nhà”
- B. “Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà”
- C. “Váy lê quét đất, mụ đầm ra.”
- D. “Âm ọe qun trường miệng thét loa”

Câu 11: Tại sao tác giả lại đau lòng khi chứng kiến cảnh thi cử?

- A. Vì sự lộn xộn trong việc tổ chức thi
- B. Vì tác giả cũng tham gia thi nhiều mà chỉ đỗ Tú tài
- C. Vì sự nô dịch của giặc mà làm cho sự tôn nghiêm của những cuộc thi không còn
- D. Vì tác giả không thích cuộc thi

Câu 12: Câu thơ “Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà” như là

- A. Lời tuyên truyền của tác giả đến những người giỏi
- B. Thể hiện sự yêu nước
- C. Thông báo tình hình của đất nước hiện nay
- D. Câu thơ như một lời than; trong lời kêu gọi hàm chứa bao nỗi xót xa, tủi nhục và cay đắng

3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

Câu 1: Câu thơ: “Lộng cầm rợp trời, quan sứ đến – Váy lê quét đất, mụ đầm ra” nói lên điều gì về thời thế lúc bấy giờ?

- A. Tây thực dân đang đè đầu cưỡi cổ dân ta

- B.** Hình ảnh “Lọng cắm rợp trời” gợi tả cảnh đón tiếp dành cho “quan sứ”, lũ ăn cướp đất nước ta, một nghi lễ cực kì long trọng. Đó là nỗi đau mất nước. Từ xưa tới năm ấy (1897) chốn trường thi là nơi tôn nghiêm, lễ giáo phong kiến vốn trọng nam khinh nữ, đàn bà đâu được bén mảng đến nơi kén chọn nhân tài
- C.** Không chỉ “mụ đầm ra” mụ đầm đến với “váy lẽ quét đất” mà còn bày ra giữa thanh thiên bạch nhật một nghịch cảnh vô cùng nhục nhã
- D.** Hình ảnh nhục nhã khi nước mất, nhà tan.

Câu 2: Qua bài thơ em hãy cho biết Trần Tế Xương quan tâm đến những vấn đề gì?

- A.** Ông quan tâm đến việc thi cử của nước nhà, chọn ra người tài để giúp nước
- B.** Ông là người yêu nước nên thấy rất đau khổ, xấu hổ khi mất nước. Cùng với đó là sự loạn lạc thời thế do chính sách đô hộ của Thực Dân khiến ông xót xa hơn.
- C.** Ông là người luôn tham gia các cuộc thi do nước nhà tổ chức nên rất quan tâm đến điều này
- D.** Ông chỉ chú ý đến thi cử chứ không quan tâm tình trạng nước nhà

Câu 3: Chữ “Ngoảnh cổ” trong câu thơ cuối nói lên điều gì?

- A.** Chỉ là động tác bình thường của cổ
- B.** Chữ “ngoảnh cổ” gợi tả một thái độ, một tâm thế không thể cam tâm sống nhục mãi trong cảnh đời nô lệ
- C.** Là sự nhìn nhận về thời thế đất nước
- D.** Không nói lên điều gì

Câu 4: Trong các câu sau, câu nào đúng?

- A.** Tú Xương là một trong hàng vạn sĩ tử dự khoa thi Hương năm Đinh Dậu
- B.** Tú Xương không dự hội thi Hương
- C.** Tú Xương tham dự hội thi Hương năm Ất Dậu
- D.** Tú Xương tham gia hội thi Hương năm Mậu Tuất

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Nhận định nào sau đây về bài thơ là đúng?

- A.** Bài thơ chỉ rõ tình hình đất nước ta khi giặc Pháp đô hộ
- B.** Bài thơ chỉ ra tình hình chốn quan trường ở nước ta vào cuối thế kỉ XIX

- C. Bài thơ chỉ mang tính tham khảo
- D. Bài thơ không đề cập đến tình hình đất nước

Câu 2: Qua việc thể hiện sự quan tâm đến nước nhà ta thấy

- A. Tú Xương là một nhà thơ của hiện thực
- B. Tú Xương là nhà thơ nhân đạo
- C. Tú Xương là nhà thơ của chính trị
- D. Tú Xương là nhà thơ hiện thực và nhân đạo

B. ĐÁP ÁN

1. NHẬN BIẾT

1.A	2.C	3.B
4.D	5.A	6.B
7.D	8.C	9.A
10.A	11.A	12.C

2. THÔNG HIỂU

1.A	2.A	3.B
4.C	5.B	6.A
7.B	8.C	9.D
10.A	11.C	12.D

3. VẬN DỤNG

1.B	2.B
3.B	4.A

4. VẬN DỤNG CAO

1.A	2.D
-----	-----

BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG (Trần Thị Hoa Lê)****(25 CÂU)****A. TRẮC NGHIỆM****I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)****Câu 1:** Tiếng cười trào phúng thường xuất hiện?**A.** *Rất muộn***B.** Rất sớm**C.** Sớm**D.** *Muộn***Câu 2:** Tiếng cười trào phúng xuất hiện vào**A.** Thế kỉ XV sang thế kỉ XVI**B.** *Thế kỉ XIV sang thế kỉ XVI***C.** Thế kỉ XVI sang thế kỉ XVII**D.** Thế kỉ XVI sang thế kỉ XVIII**Câu 3:** Tiếng cười trào phúng bao gồm**A.** 4 yếu tố**B.** 3 yếu tố**C.** *2 yếu tố***D.** 5 yếu tố**Câu 4:** 2 yếu tố đó là**A.** Tiếng cười**B.** *Tiếng cười và phúng thích***C.** Tiếng cười và phúng phính**D.** Tiếng cười và phúng thính**Câu 5:** Quan niệm văn chương “bao hiểm” là**A.** *Thể hiện thái độ khen chê một cách trang nghiêm đối với chính sự hoặc thế sự***B.** Thể hiện khen chê**C.** Thể hiện khen chê với xã hội**D.** Thể hiện khen chê giữa các tầng lớp với nhau

Câu 6: Sáng tác văn học đã xuất hiện

- A. Phúng thích và trào lộng
- B. Phúng thích và trào ngược
- C. Phúng thích và trào dâng
- D. Phúng thích và trao gửi

Câu 7: Bối cảnh không gian của truyện 2 phật cãi nhau là

- A. Ngôi chùa
- B. Ngôi chùa bên vệ đường
- C. Ngôi chùa gần bến xe
- D. Ngôi chùa ở gần bến đò Văn Giang

Câu 8: Năm Quý Ty có sự kiện gì?

- A. Có nạn đói
- B. Có bão lớn
- C. Có trận lụt to
- D. Có trận lụt

Câu 9: 3 vị phật cãi nhau là 3 vị nào

- A. Phật đất, phật gỗ, phật thích ca
- B. Phật đất, phật gỗ, phật rừng
- C. Phật đất, phật gỗ, phật nước
- D. Phật đất

Câu 10: Phật đất có sắc mặt

- A. Dữ dằn
- B. Hiền hòa
- C. Giận dữ
- D. Ôn hòa

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

Câu 1: Phạt thích ca có đang điệu như nào?

- A. Say khướt
- B. Dáng say lão đảo, tay cầm bầu rượu
- C. Say lăm
- D. Say bí tỉ

Câu 2: Bối cảnh không gian của truyện cái chùa hoang

- A. Là vùng Đông Nam
- B. Là vùng Đông Bắc
- C. Là vùng Đông Triều vào thời vua Giản Định
- D. Là vùng Bắc Đông Triều

Câu 3: Khi đó có chiến tranh chống quân

- A. Xiêm
- B. Ngô
- C. Minh
- D. Thanh

Câu 4: Điểm đặc biệt của 2 thiên truyện là

- A. Là điểm đặc biệt của từng thiên truyện
- B. Sự đối lập của 2 thiên truyện
- C. Sự giống nhau của 2 thiên truyện
- D. Sự khác nhau của 2 thiên truyện

Câu 5: Truyền kì mạn lục là của tác giả nào?

- A. Nguyễn Ánh
- B. Nguyễn Công Hoan
- C. Nguyễn Du
- D. Nguyễn Dữ

Câu 6: Quan niệm chính thống về đặc trưng nghệ thuật văn chương, về chức năng và vai trò/sứ mệnh của văn chương tồn tại suốt chiều dài lịch sử văn hóa, văn học trung đại Việt Nam chính là nguyên nhân sâu xa làm

- A. Hạn chế khả năng phát hiện *cái hài* cũng như gò bó chất lượng *tiếng cười* của người sáng tác
- B. Hạn chế khả năng phát hiện cái hài
- C. Hạn chế khả năng phát hiện cái xấu
- D. Hạn chế khả năng phát hiện cái đẹp

Câu 7: Quan niệm chính thống về chức năng, nhiệm vụ của văn chương được phát hiện qua

- A. Việc xây dựng hình tượng, những bài Tục, bài Bạt
- B. Việc xây dựng nhân vật
- C. Việc xây dựng hình ảnh thơ
- D. Việc xây dựng nội dung cốt truyện

Câu 8: Quan niệm văn chương mang chức năng giáo hóa, giáo dục là

- A. Quan niệm cơ bản
- B. Quan niệm thứ yếu
- C. Quan niệm chủ yếu
- D. Quan niệm mới mẻ

Câu 9: Tựa Quỳnh uyển cửu ca là của ai

- A. Xuân Quỳnh
- B. Lê văn Trác
- C. Lê Văn Lương
- D. Lê Thánh Tông

Câu 10: Tựa Trích diễm thi tập là của ai

- A. Hoàng Đức Lương
- B. Hoàng Đức Minh
- C. Hoàng Đức Anh

D. Hoàng Đức Bảo**III. VẬN DỤNG (3 CÂU)****Câu 1:** Quan niệm văn chương của người xưa là

- A.** Chỉ cần nội dung hay, ý đẹp, mang lại thông điệp tốt
- B.** Lời, ý giản dị đầy đủ mạch lạc thông suốt, chất phác mà vẫn nhã, mới lạ mà không trúc trắc, đôn hậu nhưng không thô kệch, cao siêu mà vẫn có giọng ôn hòa, đó là những điều rất khó có thể đạt được
- C.** Chỉ cần làm điều khuất tất, ắt sẽ thấy trong lòng không được thanh thản, an yên
- D.** Nghệ thuật sau sắc đạt đến mức cao

Câu 2: Tác giả nào đề cao tính chất “ôn nhu, đôn hậu”

- A.** Nguyễn Dữ
- B.** Nguyễn Du
- C.** Lý Tử Thất
- D. Lý Tử Tấn**

Câu 3: Yếu tố kích thích tiếng cười trào phúng

- A.** Tư tưởng tiến bộ
- B.** Tư tưởng cổ xưa
- C. Thời đại suy vi và sự xuất hiện mầm mống tư tưởng cách tân tiến bộ**
- D.** Thời đại suy vi

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)**Câu 1:** Hoàn cảnh thời đại chủ yếu tập trung vào

- A.** Sự thay đổi giáo dục
- B. Sự thay đổi chính trị, xã hội**
- C.** Sự thay đổi thời cuộc
- D.** Sự thay đổi của con người

Câu 2: Xét về mặt câu chữ Nguyễn Dữ

- A.** Thoát li truyền thống

- B. Không thoát li truyền thống**
- C. Có một phần thoát li truyền thống**
- D. Có ít phần thoát li truyền thống**

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

1. D	2. B	3. C	4. B	5. A	6. A	7. D	8. C	9. A	10. C
-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	--------------

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

1. B	2. C	3. B	4. D	5. D	6. A	7. A	8. C	9. D	10. A
-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	-------------	--------------

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

1. B	2. D	3. C
-------------	-------------	-------------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. B	2. B
-------------	-------------

BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ (37 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (15 CÂU)

Câu 1: Tiếng cười được bật ra từ đâu?

- A. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta**
- B. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa đủ, chưa độc đáo hoặc cái không tốt tồn tại xung quanh chúng ta**
- C. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp tồn tại xung quanh chúng ta**
- D. Những phản ứng lành mạnh của con người trước cái tiêu cực, xấu xa tồn tại xung quanh chúng ta**

Câu 2: Tiếng cười góp phần làm gì?

- A. Thanh lọc cuộc sống, hướng chúng ta đến chân, thiện, mỹ
- B. Thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế
- C. Thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế và hướng chúng ta đến chân, thiện, mỹ
- D. Thanh lọc cuộc sống theo cách chân, thiện, mỹ

Câu 3: Thơ trào phúng chuyển tải tiếng cười thông qua

- A. Hình thức ngôn ngữ viết
- B. Hình thức ngôn ngữ văn học
- C. Hình thức ngôn ngữ nói
- D. Hình thức ngôn ngữ thi ca

Câu 4: Thơ trào phúng là thơ như thế nào?

- A. Là thơ mang đến tiếng cười từ việc đưa ra cái chưa hay, chưa đẹp, xấu xa... và lên án chúng
- B. Là thơ mang đến tiếng cười từ việc đưa ra cái chưa hay, chưa đẹp, xấu xa... và lên án chúng, tạo nên những tiếng cười châm biếm, trào phúng
- C. Là thơ mang đến tiếng cười từ việc tạo nên những tiếng cười châm biếm, trào phúng
- D. Là thơ mang đến tiếng cười

Câu 5: Yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thất ngôn bát cú đường luật?

- A. Bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- B. Bố cục, niêm, luật
- C. Bố cục, niêm, luật, vần
- D. Bố cục

Câu 6: Trào phúng là gì?

- A. Trào phúng ở tiếng Pháp là satire, nghĩa là dùng các lời lẽ dù rất kín đáo và bóng bẩy, kín đáo
- B. Trào phúng ở tiếng Pháp là satire, nghĩa là dùng các lời lẽ dù rất kín đáo và bóng bẩy, kín đáo nhưng vẫn chứa yếu tố cười nhạo, mỉa mai, phóng đại, châm biếm,....

C. Trào phúng ở tiếng Pháp là satire, nghĩa là dùng các lời lẽ dù rất kín đáo và bóng bẩy, kín đáo nhưng vẫn chứa yếu tố cười nhạo, mỉa mai, phóng đại, châm biếm,...Để phản những điều tiêu cực, lỗi thời, xấu xa trong xã hội. Đây cũng là một nguyên tắc phản ánh nghệ thuật

D. Trào phúng ở tiếng Pháp là satire

Câu 7: Thơ trào phúng là gì?

A. Thơ trào phúng là thể thơ, người viết xây dựng tiếng cười để củng cố lại tư tưởng, tình cảm, để con người chống lại sự bất hạnh

B. Thơ trào phúng là thể thơ, người viết xây dựng tiếng cười để củng cố lại tư tưởng, tình cảm, để con người chống lại được những lạc hậu, thoái hóa, đả kích và vạch mặt kẻ thù

C. Thơ trào phúng là thể thơ, người viết xây dựng tiếng cười để củng cố lại tư tưởng, tình cảm

D. Thơ trào phúng là thể thơ, người viết xây dựng tiếng cười để củng cố lại tư tưởng, tình cảm, để con người chống lại được những sự suy thoái

Câu 8: Khi học xong thơ trào phúng, chúng ta cần

A. Có ý thức hơn

B. Có ý thức hướng tới những điều tốt đẹp

C. Có ý thức phê phán cái xấu

D. Có ý thức phê phán cái xấu, hướng tới những điều tốt đẹp

Câu 9: Theo em thì

A. Thơ trào phúng chỉ nên đọc cho vui

B. Thơ trào phúng không quan trọng với đời sống ngày nay

C. Thơ trào phúng không cần thiết với đời sống ngày nay

D. Thơ trào phúng rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại, để mọi người có thể nhìn vào và điều chỉnh lại bản thân

Câu 10: Một bài thơ trào phúng có giá trị là bài thơ

A. Nêu lên được những điều đang lên án trong xã hội, để có thể sửa chữa và đi đến một xã hội tốt hơn

B. Chỉ cần đọc hay

- C. Chỉ cần mang đến tiếng cười
- D. Không cần nêu lên những điều đáng lên án

Câu 11: Nghệ thuật mà thơ trào phúng hay sử dụng là

- A. So sánh
- B. So sánh, ẩn dụ, nói quá, phóng đại,...
- C. Ẩn dụ
- D. Nói quá

Câu 12: Sắc thái nghĩa của từ ngữ là gì?

- A. Là sự thể hiện thái độ, cảm xúc
- B. Là phần bổ sung cho nghĩa cơ bản
- C. Là phần bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến
- D. Chỉ đơn giản là nghĩa của từ ngữ

Câu 13: Nhà nước phong kiến xưa tổ chức cuộc thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?

- A. Chọn người tài ra làm quan giúp nước
- B. Để chọn người khỏe mạnh
- C. Để chọn tay sai cho mình
- D. Tất cả các đáp án trên

Câu 14: Muốn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng ta cần làm gì?

- A. Phân tích hết tất cả các chi tiết của tác phẩm mà không cần chọn lọc
- B. Đi vào phân tích luôn để rõ ý
- C. Chỉ cần giới thiệu về tác phẩm
- D. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, phân tích để làm rõ yêu cầu của đề

Câu 15: Điều quan trọng nhất khi phân tích một tác phẩm thơ trào phúng?

- A. Khẳng định được nội dung của bài thơ

- B. Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ
- C. Khẳng định được nghệ thuật của bài thơ
- D. Chỉ ra được nguyên nhân gây tiếng cười

II. THÔNG HIỂU (15 CÂU)

Câu 1:

- A. Nói quá
- B. Điệp cú pháp
- C. Ẩn dụ
- D. So sánh

Câu 2:

- A. Nhân hóa
- B. So sánh
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 3:

- A. Ẩn dụ cách thức
- B. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác
- C. Ẩn dụ hình thức
- D. Ẩn dụ phẩm chất

Câu 4:

Câu 5:

- A. Dùng những từ vốn chỉ người để chỉ sự vật
- B. Dùng từ vốn chỉ trạng thái cảm xúc, hoạt động của con người để chỉ trạng thái cảm xúc, hoạt động của sự vật
- C. Trò chuyện, xưng hô với vật như với người
- D. Dùng từ vốn chỉ tính chất của con người để chỉ tính chất của sự vật

Câu 6:

- A. 4 từ
- B. 8 từ
- C. 6 từ
- D. 9 từ

Câu 7:

- A. *Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.*
- B. *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*
- C. *Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*
- D. *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim*

Câu 8: Câu thơ sau sử dụng kiểu hoán dụ nào?

*Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.*

(Việt Bắc, Tố Hữu)

- A. Lấy bộ phận gọi toàn thể
- B. Lấy vật chứa đựng gọi vật bị chứa đựng
- C. Lấy dấu hiệu của sự vật gọi sự vật
- D. Lấy cái cụ thể gọi cái trừu tượng

Câu 9:

- A. Ẩn dụ ở hình ảnh “*mặt trời*” thứ nhất, ẩn dụ cho Bác Hồ
- B. Ẩn dụ ở hình ảnh “*mặt trời*” thứ nhất, ẩn dụ cho ánh sáng lí tưởng của cách mạng
- C. Ẩn dụ ở hình ảnh “*mặt trời*” thứ hai, ẩn dụ cho ánh sáng lí tưởng của cách mạng
- D. Ẩn dụ ở hình ảnh “*mặt trời*” thứ hai, ẩn dụ cho Bác Hồ

Câu 10:

- A. Sự xa xôi
- B. Cái chết
- C. Sự vất vả
- D. Sự nguy hiểm

Câu 11: Nhóm từ nào dưới đây thuộc cùng một trường từ vựng?

- A. Hội họa, điêu khắc, điện ảnh, năng suất
- B. Môi trường, tài nguyên, sinh thái, nghệ thuật
- C. Nhà trường, thầy cô, học sinh, diễn viên
- D. Bàn, ghế, tủ lạnh, tủ quần áo

Câu 12: Từ nào sau đây đồng nghĩa với từ “*yên bình*”?

- A. Ôn ào
- B. Náo nhiệt
- C. Thanh bình
- D. Náo loạn

Câu 13:

- A. 2 từ
- B. 3 từ
- C. 4 từ
- D. 5 từ

Câu 14:

- A. 4 từ đều là nghĩa gốc
- B. 3 từ nghĩa gốc, 1 từ nghĩa chuyên
- C. 4 từ đều là nghĩa chuyên
- D. 3 từ nghĩa chuyên, 1 từ nghĩa gốc

Câu 15:

- A. Hình dáng
- B. Đặc điểm
- C. Tính chất
- D. Cảm giác

III. VẬN DỤNG (5 CÂU)

Câu 1: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu sau: *Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.* (Chữ người tử tù, Nguyễn Tuân)

- A. Nhân hoá, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, ngay thẳng của viên quản ngục
- B. Nhân hóa, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, ngay thẳng của tác giả
- C. So sánh, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, ngay thẳng của viên quản ngục
- D. So sánh, làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, ngay thẳng của tác giả

Câu 2: Lỗi chơi chữ nào được sử dụng trong câu sau: “*Cô Xuân đi chợ Hạ, mua cá thu về, chợ vẫn còn đông.*”?

- A. Dùng từ đồng âm
- B. Dùng cặp từ trái nghĩa
- C. Dùng từ cùng trường nghĩa
- D. Dùng lối nói lái

Câu 3: Câu ca dao sau đã so sánh cái gì với cái gì? Tác dụng của phép so sánh là gì?

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

A. So sánh “công cha” với “nước trong nguồn”, thể hiện công lao nuôi dạy của người cha với con cái.

B. So sánh “công cha” với “núi Thái Sơn”, “nghĩa mẹ” với “nước trong nguồn”, có tác dụng nhấn mạnh công ơn sinh thành, nuôi nấng to lớn của cha mẹ với mỗi người.

C. So sánh “nghĩa mẹ” với “núi Thái Sơn”, thể hiện công lao sinh thành, nuôi nấng của người mẹ với con cái to lớn như núi Thái Sơn.

D. Tất cả các đáp án trên đều sai.

Câu 4: Trong câu thơ sau, biện pháp tu từ ẩn dụ được sử dụng ở đâu, là ẩn dụ kiểu nào và hình ảnh nào đã bị ẩn đi khi sử dụng biện pháp ẩn dụ?

Người cha mái tóc bạc

Đốt lửa cho anh nằm.

(**Đêm nay Bác không ngủ**, Minh Huệ)

A. Hình ảnh ẩn dụ: “Người cha”, ẩn dụ phẩm chất, ẩn dụ cho tác giả

B. Hình ảnh ẩn dụ: “anh”, ẩn dụ hình thức, ẩn dụ cho tác giả

C. Hình ảnh ẩn dụ: “anh”, ẩn dụ hình thức, ẩn dụ cho Bác Hồ

D. Hình ảnh ẩn dụ: “Người cha”, ẩn dụ phẩm chất, ẩn dụ cho Bác Hồ

Câu 5: Trong câu thơ sau, biện pháp tu từ hoán dụ được sử dụng ở đâu, hoán dụ cho cái gì và là loại hoán dụ nào?

Gửi miền Bắc lòng miền Nam chung thủy

Đang xông lên chống Mỹ tuyến đầu.

(**Gửi miền Bắc**, Lê Anh Xuân)

A. “Miền Bắc”, “miền Nam” hoán dụ cho một vùng miền của đất nước, lấy cái cụ thể gọi cái trừu tượng.

B. “Miền Bắc”, “miền Nam” hoán dụ cho một vùng miền của đất nước, lấy bộ phận chỉ toàn thể.

C. “Miền Bắc”, “miền Nam” lần lượt là hoán dụ cho nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam, lấy vật chứa đựng chỉ vật bị chứa đựng.

D. “Miền Bắc”, “miền Nam” lần lượt là hoán dụ cho nhân dân miền Bắc và nhân dân miền Nam, lấy dấu hiệu của sự vật gọi tên sự vật.

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: *Bác Hồ đã nhưng những tư tưởng, đường lối chính trị cũng như kho tàng văn chương Bác để lại là không ai có thể phủ nhận.*

- A. đi nhanh
- B. đi xa
- C. đi khuất
- D. đi dân

Câu 2: Trong câu “Nhiều người dân vẫn rất bàng quang trong việc áp dụng các biện pháp phòng chống Covid-19.”, từ nào được sử dụng chưa chính xác về nghĩa và nên thay thế bằng từ ngữ nào?

- A. “bàng quang” dùng sai, thay thế: “bàng quan”
- B. “bàng quang” dùng sai, thay thế: “bàng hoàng”
- C. Không có từ nào dùng sai
- D. A hoặc B đều được

B. ĐÁP ÁN**I. NHẬN BIẾT (15 CÂU)**

1. A	2. C	3. D	4. B	5. A	6. C	7. B	8. D	9. D	10. A
11. B	12. C	13. A	14. D	15. B					

II. THÔNG HIỂU (15 CÂU)

1. D	2. A	3. C	4. B	5. B	6. A	7. A	8. C	9. D	10. B
11. D	12. C	13. A	14. B	15. D					

III. VẬN DỤNG (5 CÂU)

1. C	2. A	3. B	4. D	5. C
------	------	------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. B	2. A
------	------

BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**TRƯỞNG GIẢ HỌC LÀM SANG (MÔ-LI-E)****HÒI THỨ HAI, LỚP V****(25 CÂU)****A. TRẮC NGHIỆM****I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)****Câu 1:** Vỡ kịch xảy ra ở đâu?

- A. Pari**
- B. Luân Đôn**
- C. Oa Sinh Tơn**
- D. Pê Ru**

Câu 2: Lão Juôcđanh nhờ đâu mà giàu có?

- A. Nhờ đi buôn**
- B. Tự bản thân ông ta buôn trải**
- C. Nhờ bố mẹ có cửa hiệu buôn bán lớn**
- D. Nhờ làm quan**

Câu 3: Văn học trào phúng chuyển tải tiếng cười thông qua

- A. Hình thức ngôn ngữ thi ca**
- B. Hình thức ngôn ngữ truyện kể**
- C. Hình thức ngôn ngữ nói**
- D. Hình thức ngôn ngữ viết**

Câu 4: Tại sao lão thuê người hầu, thuê người dạy nhạc, dạy múa?

- A. Vì muốn biết nhiều hơn**
- B. Vì khao khát muốn trở thành quý tộc**
- C. Vì học nhiều sẽ trở nên có học thức**
- D. Vì lão muốn khoe khoang**

Câu 5: Hàng tuần lão tổ chức buổi hòa nhạc để làm gì?

- A. Vì quý tộc đều làm như vậy, lão muốn mình giống quý tộc
- B. Vì lão thích hòa nhạc
- C. Vì lão thích sự đông vui
- D. Vì lão thích bắt trước người khác

Câu 6: Đôn-rê lợi dụng lão vì?

- A. Vì muốn nịnh nọt lão
- B. Vì không ưa lão
- C. Mượn tiền tiêu ải phung phí
- D. Vì nghĩ lão ngu ngơ

Câu 7: Vì sao lão ngăn cản con gái Cluyxin lấy Clêông?

- A. Vì Clêông chống lại lão
- B. Vì Clêông không phải quý tộc
- C. Vì lão thấy Clêông không tốt
- D. Vì lão không thích Clêông

Câu 8: Văn bản đã tạo nên bức tranh xã hội Pháp vào thế kỉ

- A. XVIII
- B. XVI
- C. XV
- D. XVII

Câu 9: Khi muốn kết thân với Đôn-rê-men, Juócđanh đã làm gì?

- A. Viết thư
- B. Tự đi làm quen
- C. Nhờ thầy dạy triết môi giới
- D. Nhờ gã bá tước “bọm già” môi giới

Câu 10: Lão đã làm gì để làm đẹp lòng Đôrimen

- A. Mua quà tặng, tổ chức cuộc vui tại nhà
- B. Mua quà tặng
- C. Tổ chức cuộc vui
- D. Không làm gì cả

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

Câu 1: Tại sao lão muốn trở thành quý tộc?

- A. Vì đó là sở thích
- B. Vì như thế sẽ sang trọng hơn
- C. Vì không muốn làm dân thường
- D. Vì sự sáng trọng, xa hoa, quyền quý của những nhà quý tộc

Câu 2: Hành động của lão thể hiện

- A. Sự bất chước ngây ngô, kịch cỡm và miễn cưỡng
- B. Sự vui thú của lão
- C. Sự ngưỡng mộ quý tộc
- D. Sự giả dối

Câu 3: Lão ra phố cùng với đám người hầu để làm gì?

- A. Muốn khoe khoang
- B. Muốn khoe đám người hầu
- C. Muốn cho mọi người thấy sự giàu có và phong thái quý tộc
- D. Muốn người ta kính nể lão

Câu 4: Với những hành động của Juốcđanh ta thấy

- A. Lão đang làm mình trở nên sang trọng
- B. Lão đang ép mình trở thành quý tộc khiến mọi người cười chê
- C. Lão không muốn bị bỏ lại vì không phải quý tộc
- D. Lão muốn học thêm nhiều kiến thức

Câu 5: Lí do lão muốn làm quen với quý tộc là vì

- A. Muốn yêu đương với quý tộc
- B. Muốn học hỏi để được thành quý tộc và ngang hàng với họ
- C. Muốn mượn tiền họ
- D. Để hãm hại họ

Câu 6: Lão đã thuê bao nhiêu người hầu?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 7: Lão đã thuê những thầy nào?

- A. Thầy dạy nhạc, kiếm, triết học, bác phó may
- B. Thầy dạy nhạc, kiếm, đàn, hát
- C. Thầy dạy nhạc, nhảy, múa, chào
- D. Thầy dạy may, thêu thùa

Câu 8: Thái độ của vợ lão như thế nào?

- A. Phản đối gay gắt
- B. Ủng hộ chồng
- C. Ngạc nhiên và tìm mọi cách ngăn cản
- D. Cùng chồng học làm quý tộc

Câu 9: Lão bá tước Đôn-đăng đã làm gì khi Juốcđanh nhờ vả?

- A. Khiến nữ hầu tước yêu quý Juốcđanh
- B. Khiến nữ hầu tước ghét Juốcđanh
- C. Khiến nữ hầu tước hiểu lầm Juốcđanh
- D. Khiến nữ hầu tước hiểu rằng chính hắn đã bỏ tiền chiêu đãi bà

Câu 10: Lão đã để lại những hậu quả gì khi chạy theo quý tộc

- A. Khiến mọi người chỉ trích, bàn tán
- B. Khiến con gái và vợ phải tổn thương, chịu sự chê cười của thiên hạ, biến mình thành trò hề, tiêu tốn tiền của, tự hạ thấp bản thân
- C. Không để lại hậu quả gì
- D. Để lại hậu quả nhưng rất ít

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Nếu em là Juốcđanh em sẽ làm gì?

- A. Không làm gì cả
- B. Vẫn chạy theo giới quý tộc nhưng theo cách khác
- C. Không chạy theo giới quý tộc phù phiếm, xa xỉ, tập trung nâng cao bản thân để có giá trị, yêu thương người thân
- D. Vẫn chạy theo giới quý tộc để trở nên quý phái

Câu 2: Nếu lão cứ mãi chạy theo giới quý tộc sẽ mang lại hậu quả gì?

- A. Tiêu hết tài sản, người thân xa lánh, mọi người chê cười, xã hội lên án
- B. Không sao cả
- C. Tán gia bại sản
- D. Trở thành quý tộc

Câu 3: Theo em tác giả muốn nhắc nhở chúng ta điều gì?

- A. Đừng nên sống như quý tộc
- B. Không nên chạy theo những thứ phù phiếm xa hoa bên ngoài, những thứ không mang lại giá trị mà tập trung vào cuộc sống của bản thân, hãy cứ là chính mình đừng cố học theo ai khác
- C. Cuộc sống như quý tộc là lối sống không nên đi theo
- D. Không nên chạy theo niềm đam mê

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Quý tộc có phải sự mê muội của Juốcđanh không?

- A. không
- B. có
- C. giống đam mê một chút
- D. mê muội chỉ một chút

Câu 2: Qua văn bản em thấy xã hội luôn coi trọng và đề cao

- A. Sự hào nhoáng bên ngoài và những thứ phù phiếm
- B. Tính cách bên trong
- C. Coi trọng ngoại hình
- D. Không coi trọng điều gì

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

1. A	2. C	3. D	4. B	5. A	6. C	7. B	8. D	9. D	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

1. D	2. A	3. C	4. B	5. B	6. A	7. A	8. C	9. D	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

1. C	2. A	3. B
------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. B	2. A
------	------

BÀI 5: NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT – CÂU HỎI TU TỪ

(25 CÂU)

A. TRẮC NGHIỆM

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Câu hỏi tu từ là gì?

A. Là một trong những phép nghệ thuật được sử dụng phổ biến trong văn học và giao tiếp hằng ngày, câu trả lời có sẵn trong câu hỏi

B. Là câu hỏi bình thường hàng ngày

C. Là câu hỏi vu vơ không có mục đích

D. Là những câu hỏi dài và không có mục đích

Câu 2: Câu hỏi tu từ được sử dụng?

A. Chỉ có trong đời sống hàng ngày

B. Không có trong văn học

C. Rất phổ biến trong văn học

D. Không phổ biến trong văn học

Câu 3: Câu hỏi tu từ tương tự như các biện pháp

A. Hình thức ngôn ngữ viết

B. Tu từ khác

C. Đối, lặp từ,...

D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ,...

Câu 4: Khi người nói đưa ra câu hỏi tu từ tức là?

A. Không đưa ra câu trả lời

B. Đã đưa ra câu trả lời

C. Thay thế cho câu hỏi bình thường

D. Từ chối người khác

Câu 5: Câu hỏi tu từ là câu hỏi

A. Có mục đích hỏi

B. Không có mục đích hỏi

C. Mục đích hỏi không rõ

D. Không nêu lên nội dung gì

Câu 6: Tác dụng của câu hỏi tu từ trong giao tiếp?

- A. Làm cho lời nói ngắn gọn, dễ hiểu hơn
- B. Không thu hút được sự quan tâm của người nghe
- C. Thu hút sự quan tâm của người nghe, làm lời nói uyển chuyển, giàu sức biểu cảm
- D. Làm cuộc giao tiếp thú vị hơn

Câu 7: Tác dụng của câu hỏi tu từ trong văn học?

- A. Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu nói
- B. Tăng sắc thái biểu cảm, tạo ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mỹ
- C. Tăng sự hấp dẫn trong văn học
- D. Tăng sự phong phú trong nghệ thuật

Câu 8: Câu hỏi tu từ được đặt ra không cần

- A. Chú ý đến thái độ người đối diện
- B. Phải quan tâm nội dung
- C. Dịch nghĩa
- D. Tìm kiếm câu trả lời

Câu 9: Theo em thì câu nào dưới đây là câu hỏi tu từ

- A. Đi xem phim với tớ nhé?
- B. Cậu ăn cơm chưa?
- C. Chiều có đi học không?
- D. Ai biết tình ai có đậm đà?

Câu 10: Trong văn học câu hỏi tu từ có thể

- A. Biểu đạt, tượng trưng cho một ý nghĩa nhất định nào đó
- B. Không tượng trưng cho điều gì
- C. Chỉ là một câu hỏi vu vơ
- D. Chỉ là câu hỏi nhưng hình thức thú vị hơn

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

Câu 1: Việc tìm ra câu trả lời cho câu hỏi tu từ là

- A. Phải tìm hiểu
- B. Nên tìm hiểu
- C. Rất cần thiết
- D. Không cần thiết

Câu 2: Đặc điểm cơ bản của câu hỏi tu từ

- A. Hình thức câu nghi vấn, luôn có dấu chấm hỏi
- B. Không có hình thức câu nghi vấn
- C. Không giống hình thức câu nghi vấn
- D. Không có dấu chấm hỏi

Câu 3: Thông tin được truyền đạt trong câu hỏi tu từ phải

- A. Không cần người khác hiểu
- B. Khó hiểu, khó tiếp thu
- C. Dễ hiểu, dễ tiếp thu
- D. Không cần rõ ràng

Câu 4: Khi đặt ra câu hỏi tu từ

- E. Không cần đưa ra câu trả lời trong nội dung câu hỏi
- F. Cần đưa ra câu trả lời trong câu hỏi
- G. Không cần rõ ràng
- H. Không cần dễ hiểu

Câu 5: Câu hỏi tu từ

- A. Ít loại
- B. Nhiều loại
- C. Không nhiều loại
- D. Không có nghĩa

Câu 6: Thông tin trong câu hỏi tu từ cần phải

- A. Mang ý nghĩa tượng trưng cho một vấn đề nào đó
- B. Không cần mang ý nghĩa tượng trưng
- C. Không cần rõ ràng, dễ hiểu
- D. Không cần dài dòng

Câu 7: Câu hỏi tu từ nhằm thể hiện

- A. Sắc thái biểu đạt
- B. Không thể hiện sắc thái
- C. Thái độ
- D. Cảm xúc

Câu 8: Nội dung trong câu hỏi tu từ mang hàm ý

- A. Ủng hộ
- B. Đồng tình
- C. Phủ định với nội dung mà người nói, người viết nhắc đến
- D. Khẳng định với nội dung mà người nói, người viết nhắc đến

Câu 9: Tác dụng của câu hỏi tu từ trong giao tiếp

- A. Mang lại nội dung phong phú trong giao tiếp
- B. Ít mang lại hiệu quả giao tiếp
- C. Không mang lại hiệu quả giao tiếp
- D. Mang lại hiệu quả giao tiếp cao

Câu 10: Nếu lạm dụng câu hỏi tu từ sẽ

- A. Mang lại hiệu quả giao tiếp
- B. Làm người đối diện bị rối, khó nắm bắt nội dung trọng tâm
- C. Ít mang lại hiệu quả giao tiếp
- D. Ít nắm bắt được nội dung

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Trong các câu sau, câu nào là câu hỏi tu từ

- A. Cậu làm người yêu mình nhé?
- B. Cậu đi ăn cơm cùng mình nhé?
- C. Cậu không thấy tớ còn nhiều bài tập thể này à?
- D. Cậu có đi xem phim với tớ không?

Câu 2: Trong các câu sau, câu nào **không** phải câu hỏi tu từ

- A. Cuối tuần này chúng mình đi xem phim nhé?
- B. Cậu không thấy mình đang bận à?
- C. Nếu không làm xong bài thì làm sao mình đến đây được?
- D. Nếu trời mưa thì làm sao mình đi được?

Câu 3: Trong các câu sau, câu nào là câu hỏi tu từ?

- A. Đi cùng tớ nhé?
- B. Làm sao mình có thể đến trường được đây?
- C. Làm người yêu mình nhé?
- D. Cậu có thích mình không?

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Hãy tìm câu hỏi tu từ trong các câu sau

- A. Có thể đi nhanh hơn được không?
- B. Vậy làm sao mình lên đó được?
- C. Cuối tuần chúng ta đi du lịch nhé?
- D. Làm bạn gái mình nhé?

Câu 2: Nếu người đối diện đặt ra câu hỏi tu từ thì có cần trả lời không?

- A. Không
- B. Có
- C. Trả lời cũng được không trả lời cũng không sao
- D. Bắt buộc phải trả lời

B. ĐÁP ÁN

I. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

1. A	2. C	3. D	4. B	5. A	6. C	7. B	8. D	9. D	10. A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

II. THÔNG HIỂU (10 CÂU)

1. D	2. A	3. C	4. B	5. B	6. A	7. A	8. C	9. D	10. B
------	------	------	------	------	------	------	------	------	-------

III. VẬN DỤNG (3 CÂU)

1. C	2. A	3. B
------	------	------

IV. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

1. B	2. A
------	------